**Phụ lục:**

**DANH MỤC CÁC BIỂU MẪU**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số* */2020/TT-BNNPTNT ngày* *tháng* *năm 20 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

| **TT** | **Tên biểu bảng** | **Ký hiệu biểu bảng** |
| --- | --- | --- |
| **I** | **Quản lý đề tài, đề án khoa học và công nghệ, dự án SXTN cấp Bộ, tiềm năng** |  |
|  | Danh mục đề xuất đặt hàng đề tài, đề án, dự án cấp Bộ Nông nghiệp và PTNT năm 20..... | [Mẫu B1a.DMĐTDA-BNN](#B1bDMDTDA) |
|  | Phiếu đề xuất đặt hàng đề tài, đề án, dự án SXTN, đề tài tiềm năng cấp Bộ Nông nghiệp và PTNT năm 20..... | [Mẫu B1b. PĐX-BNN](#B1aPĐX) |
|  | Biên bản họp hội đồng tư vấn xây dựng danh mục đề tài/đề án/dự án SXTN/đề tài tiềm năng cấp Bộ bắt đầu thực hiện từ năm 20… | [Mẫu B2. BBHĐXDDM-BNN](#B2BBHDXDDM) |
|  | Đơn đăng ký chủ trì thực hiện đề tài, đề án, dự án SXTN, đề tài tiềm năng cấp Bộ | [Mẫu B3. ĐON-BNN](#B2DON) |
|  | Thuyết minh đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp Bộ | [Mẫu B4a. TMĐT-BNN](#B3aTMDT) |
|  | Thuyết minh dự án SXTN cấp Bộ | [Mẫu B4b. TMDA-BNN](#B3bTMDA) |
|  | Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì đề tài, dự án SXTN cấp Bộ | [Mẫu B5. LLTC-BNN](#B4LLTC) |
|  | Lý lịch khoa học của cá nhân thực hiện chính đề tài, dự án SXTN cấp Bộ | [Mẫu B6. LLCN-BNN](#B5LLCN) |
|  | Giấy xác nhận phối hợp thực hiện đề tài, dự án SXTN cấp Bộ | [Mẫu B7. PHTH-BNN](#B6PHTH) |
|  | Biên bản mở hồ sơđăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhânchủ trì đề tài, dự án SXTN cấp Bộ | [Mẫu B8. BBMHS-BNN](#B7BBMHS) |
|  | Phiếu nhận xét hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì đề tài khoa học công nghệ cấp Bộ | [Mẫu B9a. PNXĐT-BNN](#B8aPNXDT) |
|  | Phiếu nhận xét hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì đề án khoa học công nghệ/đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ cấp Bộ, lĩnh vực kinh tế chính sách nông nghiệp và PTNT | [Mẫu B9b. PNXĐT/KTCS-BNN](#B8bPNXDTKTCS) |
|  | Phiếu nhận xét hồ sơ đăng ký giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì dự án SXTN cấp Bộ | [Mẫu B9c. PNXDA-BNN](#B8cPNXDA) |
|  | Phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì đề tài khoa học công nghệ cấp Bộ | [Mẫu B10a. PĐGĐT-BNN](#B9aPDGDT) |
|  | Phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì đề án khoa học công nghệ/đề tài khoa học công nghệ cấp Bộ, lĩnh vực kinh tế chính sách nông nghiệp và PTNT | [Mẫu B10b. PĐGĐT/KTCS-BNN](#B9bPDGDTKTCS) |
|  | Phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì dự án SXTN cấp Bộ | [Mẫu B10c. PĐGDA-BNN](#B9cPDGDA) |
|  | Biên bản kiểm phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án SXTN cấp Bộ | [Mẫu B11.BBKPĐGHS-BNN](#B10aBBKPDGHS) |
|  | Bảng tổng hợp kiểm phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án SXTN cấp Bộ | [Mẫu B12.BTHKP-BNN](#B10bBTHKPDGHS) |
|  | Biên bản họp Hội đồng tư vấn Đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án SXTN | [MẫuB13.BBHĐĐGHS-BNN](#B11) |
|  | Biên bản họp Tổ thẩm định đề tài cấp Bộ | [Mẫu B14a. BBTĐĐT-BNN](#B12a) |
|  | Biên bản họp Tổ thẩm định dự án SXTN cấp Bộ | [Mẫu B14b. BBTĐDA-BNN](#B12c) |
|  | Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thực hiện đề tài, đề án, dự án SXTN cấp Bộ dành cho các Viện xếp hạng đặc biệt | Mẫu B15a. HDKHCN-BNN |
|  | Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thực hiện đề tài, đề án, dự án SXTN cấp Bộ dành cho các tổ chức khác không là các Viện xếp hạng đặc biệt | [Mẫu B15b. HDKHCN-BNN](#B13) |
|  | Báo cáo định kỳ tình hình thực hiện đề tài, đề án, dự án SXTN | [Mẫu B16. BCĐK-BNN](#B14) |
|  | Biên bản kiểm tra thực hiện đề tài, đề án, dự án cấp Bộ | [Mẫu B17. BBKT-BNN](#B15) |
|  | Báo cáo kết quả tự đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ | [Mẫu B18.BCTĐG-BNN](#B18BCTDG) |
|  | Công văn đề nghị nghiệm thu đề tài, đề án, dự án SXTN cấp bộ | [Mẫu B19.CVNT-BNN](#B19CVNT) |
|  | Báo cáo tổng kết đề tài/dự án SXTN cấp Bộ | [Mẫu B20. BCTK-BNN](#B16) |
|  | Báo cáo tóm tắt đề tài, dự án SXTN cấp Bộ | [Mẫu B21. BCTT-BNN](#B17) |
|  | Báo cáo thống kê kết quả thực hiện đề tài, dự án SXTN cấp Bộ | [Mẫu B22. BCTKE-BNN](#B18) |
|  | Báo cáo kinh phí đề tài, dự án cấp Bộ | [Mẫu B23. BCKP –BNN](#B19) |
|  | Phiếu nhận hồ sơ, đánh giá sơ bộ về tính hợp lệ của hồ sơ nghiệm thu | [Mẫu B24. PNHSNT-BNN](#B22PNHS) |
|  | Phiếu nhận xét kết quả thực hiện đề tài, dự án cấp Bộ | [Mẫu B25a. PNXKQĐTDA-BNN](#B20a) |
|  | Phiếu nhận xét kết quả đề án khoa học công nghệ/đề tài lĩnh vực kinh tế- chính sách nông nghiệp và PTNT | [Mẫu B25b. PNXKQĐT/KTCS-BNN](#B20b) |
|  | Phiếu đánh giá kết quả thực hiện đề tài, đề án, dự án SXTN cấp Bộ | [Mẫu B26. PĐGKQĐTDA-BNN](#B21) |
|  | Biên bản kiểm phiếu đánh giá kết quả đề tài, đề án, dự án SXTN cấp Bộ | [Mẫu B27. BBKPKQĐTDA-BNN](#B22) |
|  | Biên bản đánh giá kết quả đề tài, đề án, dự án SXTN cấp Bộ | [Mẫu B28. BBĐGKQĐTDA-BNN](#B23) |
|  | Quyết định về việc công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ | [Mẫu B29.CNKQĐTDA-BNN](#B24) |
| **II** | **Quản lý đề tài tiềm năng cấp Bộ** |  |
|  | Báo cáo kết quả thực hiện đề tài tiềm năng | Mẫu B30. BCKQĐTTN-BNN |
| **III** | **Quản lý nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng** |  |
|  | Danh mục, dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng | [Mẫu B31.DMNVTXTCN-BNN](#B31DMNVTX) |
|  | Thuyết minh nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng khung | [Mẫu B32. TMKTXTCN-BNN](#B32TMKTXTCN) |
|  | Thuyết minh nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng khối Văn phòng các Viện đặc biệt | Mẫu B33. TMTXTCN-VP-BNN |
|  | Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ TXTCN năm …. | Mẫu B34. BCKQNVTXTCN-BNN |
| **IV** | **Quản lý nhiệm vụ thông tin khoa học và công nghệ** |  |
|  | Phiếu đề xuất nhiệm vụ thông tin khoa học và công nghệ | Mẫu B35.PĐXNVTT-BNN |
|  | Thuyết minh nhiệm vụ thông tin khoa học và công nghệ | Mẫu B36. TMNVTT-BNN |
| **IV** | **Quản lý dự án xây dựng nhỏ, sửa chữa lớn** |  |
|  | Phiếu đề xuất kế hoạch đầu tư sửa chữa cơ sở vật chất - kỹ thuật năm …. | [Mẫu B37. KHĐTCSVC-BNN](#B37KHĐT) |
| **V** | **Quản lý dự án tăng cường trang thiết bị** |  |
|  | Phiếu đề xuất dự án tăng cường năng lực trang thiết bị | Mẫu B38. PĐXDATTB-BNN |
|  | Thuyết minh dự án tăng cường năng lực trang thiết bị | Mẫu B39. TMDATCTTB-BNN |

**Mẫu B1B. PĐX-BNN**

[Top of the Document](#_top)

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên Cơ quan đề xuất[[1]](#footnote-2)** | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | Hà Nội, ngày tháng năm 20.. |

**PHIẾU ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG**

**ĐỀ TÀI, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN SXTN, ĐỀ TÀI TIỀM NĂNG CẤP BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

**NĂM 20...**

**1. Tên đề tài/đề án/dự án SXTN/đề tài tiềm năng:**

**2. Tính cấp thiết**

*- Nêu rõ vấn đề thực tiễn cần giải quyết, tính quan trọng, bức xúc, cấp bách, các số liệu trích dẫn cần phải được lượng hoá bằng con số cụ thể, có trích dẫn nguồn tài liệu tham khảo...*

*- Đối với dự án SXTN, cần nêu rõ nguồn hình thành, xuất xứ của dự án*

**3. Mục tiêu của đề tài/đề án/dự án SXTN/đề tài tiềm năng**

*- Nêu cả mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể*

**4. Nội dung và phương pháp thực hiện**

*- Liệt kê các nội dung chính sẽ thực hiện nhằm đạt được mục tiêu đề ra. Đối với dự án SXTN, nêu rõ các nội dung công nghệ cần hoàn thiện.*

*- Các phương pháp để thực hiện nội dung chính*

**5. Kết quả dự kiến của đề tài/đề án/dự án SXTN/đề tài tiềm năng**

*- Mô tả dự kiến sản phẩm có thể đạt được, dự kiến các chỉ tiêu kinh tế- kỹ thuật của sản phẩm;*

*- Ảnh hưởng của kết quả dự kiến đạt được đến nghiên cứu/sản xuất, đối tượng hưởng lợi từ kết quả thực hiện đề tài/dự án, dự báo thị trường sản phẩm;*

*- Mô tả phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu đến người sử dụng tiếp theo.*

**6. Giải pháp thực hiện**

*- Nêu rõ các giải pháp để thực hiện đề tài/đề án/dự án SXTN/đề tài tiềm năng: địa điểm dự kiến tiến hành đề tài/dự án; điều kiện cơ sở vật chất hoặc trang thiết bị cần thiết tiến hành đề tài/dự án; phương án phối hợp của các đối tác tham gia vào các nội dung của đề tài/đề án/dự án SXTN/đề tài tiềm năng;*

*- Nêu thời gian và kinh phí cần thiết để hoàn thành đề tài/đề án/dự án SXTN/đề tài tiềm năng.*

**7. Dự kiến khả năng áp dụng kết quả đề tài/đề án/dự án SXTN/đề tài tiềm năng vào thực tế, và hiệu quả về kinh tế, xã hội và môi trường**

*- Nêu rõ khả năng áp dụng kết quả đề tài/đề án/dự án SXTN/đề tài tiềm năng vào thực tế, dự báo nhu cầu ( địa điểm, quy mô, thời gian, đối tượng….)*

*- Dự kiến hiệu quả, tác động của việc áp dụng kết quả vào thực tế.*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Thủ trưởng cơ quan (hoặc Chuyên gia)**  **đề xuất**  *(Họ, tên và chữ ký)* |

**Mẫu** **B1a.DMĐTDA-BNN**

[Top of the Document](#_top)

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên Cơ quan đề xuất** | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | Hà Nội, ngày tháng năm 20.. |

**DANH MỤC ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ KHCN CẤP BỘ NĂM 20...**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên nhiệm vụ** | **Tính cấp thiết** | **Mục tiêu** | **Dự kiến kết quả** | **Thời gian thực hiện** | **Phương thức thực hiện** |
| **I** | **Đề tài KHCN** |  |  |  |  |  |
|  | ……. |  |  |  |  |  |
| **II** | **Đề án KHCN** |  |  |  |  |  |
|  | ……. |  |  |  |  |  |
| **III** | **Dự án SXTN** |  |  |  |  |  |
|  | ……. |  |  |  |  |  |
| **IV** | **Đề tài tiềm năng** |  |  |  |  |  |
|  | ……. |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Thủ trưởng cơ quan đề xuất**  *(Họ, tên và chữ ký)* |

**Mẫu B2a.PNXĐH-BNN**

[Top of the Document](#_top)

**PHIẾU NHẬN XÉT**

**ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ KHCN CẤP BỘ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Ủy viên phản biện** |  |
| **Ủy viên hội đồng** |  |

**1. Lĩnh vực:**

**2. Họ và tên chuyên gia:**

**3. Ý kiến nhận xét:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên nhiệm vụ** | **Tính cấp thiết** | **Mục tiêu** | **Dự kiến kết quả** | **Thời gian thực hiện** | **Phương thức thực hiện** |
|  | Tên nhiệm vụ: …. |  |  |  |  |  |
| Ý kiến chuyên gia: |  |  |  |  |  |
|  | Tên nhiệm vụ: …. |  |  |  |  |  |
| Ý kiến chuyên gia: |  |  |  |  |  |
|  | Tên nhiệm vụ: …. |  |  |  |  |  |
| Ý kiến chuyên gia: |  |  |  |  |  |
|  | Tên nhiệm vụ: …. |  |  |  |  |  |
| Ý kiến chuyên gia: |  |  |  |  |  |
| ….. | …….. |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | ……….., ngày tháng năm 20  **Thành viên Hội đồng**  *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

**Mẫu B2. BBHĐXDDM-BNN**

[Top of the Document](#_top)

|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN xây dựng danh mục đề tài, đề án, dự án SXTN, ĐỀ TÀI TIỀM NĂNG CẤP BỘ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
|  | *…., ngày …. tháng …. năm 20…* |

**BIÊN BẢN**

**HỌP HỘI ĐỒNG TƯ VẤN xây dựng danh mục NHIỆM VỤ KHCN CẤP BỘ NĂM 20...**

**Lĩnh vực***: ……………………………………*

***A. Những thông tin chung***

1. Quyết định thành lập Hội đồng số …....../QĐ-BNN-KHCN ngày .../.../20... của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT.

2. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng:……………….…., ngày.../....../20...

- Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên: .../...

- Vắng mặt: ... người, gồm các thành viên:

- Khách mời tham dự họp Hội đồng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Đơn vị công tác** |
| 1. |  |  |
| 2. |  |  |
| 3. |  |  |
| ….. | ……. | …….. |

***B. Nội dung làm việc của Hội đồng***

1. Công bố quyết định thành lập Hội đồng.

2. Hội đồng thống nhất phương thức làm việc và bầu ông/bà ……………………….. làm Thư ký khoa học của Hội đồng.

3. Ủy viên phản biện và các thành viên hội đồng nhận xét theo mẫu B2a.PNXĐH-BNN về tên, mục tiêu, nội dung, sản phẩm dự kiến, phương thức thực hiện của các nhiệm vụ KHCN.

4. Hội đồng thảo luận và thống nhất tên, mục tiêu, nội dung, sản phẩm dự kiến, phương thức thực hiện và sắp xếp thứ tự ưu tiên các nhiệm vụ trong danh mục (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

5. Hội đồng thông qua Biên bản làm việc của Hội đồng.

|  |  |
| --- | --- |
| **Thư ký khoa học** *(Họ, tên và chữ ký)* | **Chủ tịch Hội đồng** *(Họ, tên và chữ ký)* |

**Phụ lục:**

**TỔNG HỢP DANH MỤC NHIỆM VỤ KHCN**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên nhiệm vụ KHCN** | **Định hướng mục tiêu** | **Yêu cầu đối với kết quả\*** | **Phương thức tổ chức thực hiện** | **Ghi chú** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* |
| **I** | **Đề tài KHCN** |  |  |  |  |
| … | …….. |  |  |  |  |
| **II** | **Đề án KHCN** |  |  |  |  |
| … | …….. |  |  |  |  |
| **III** | **Dự án SXTN** |  |  |  |  |
| … | …….. |  |  |  |  |
| **IV** | **Đề tài tiềm năng** |  |  |  |  |
| … | …….. |  |  | |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Thư ký khoa học** *(Họ, tên và chữ ký)* | **Chủ tịch Hội đồng** *(Họ, tên và chữ ký)* |

**Mẫu B2. ĐON-BNN**

[Top of the Document](#_top)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐĂNG KÝ**

**CHỦ TRÌ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN SXTN, ĐỀ TÀI TIỀM NĂNG CẤP BỘ**

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Căn cứ thông báo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện Đề tài, đề án, dự án SXTN, đề tài tiềm năng cấp Bộ bắt đầu thực hiện từ năm 20..., chúng tôi:

a)……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..

*(Tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký tuyển chọn làm cơ quan chủ trì Đề tài/ Dự án SXTN)*

b)……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

*(Họ và tên, học vị, chức vụ địa chỉ cá nhân đăng ký tuyển chọn làm chủ nhiệm* Đề tài/đề án/dự án SXTN/đề tài tiềm năng cấp Bộ*)*

đăng ký chủ trì thực hiện Đề tài/đề án/dự án SXTN/đề tài tiềm năng cấp Bộ:

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..

Thuộc lĩnh vực KH&CN:

……………………………………………………………………………………………………………………

**Hồ sơ đăng ký tuyển chọn chủ trì thực hiện Đề tài/đề án/dự án SXTN/đề tài tiềm năng cấp Bộ gồm**:

a) Đơn đăng ký chủ trì thực hiện đề tài, đề án, dự án SXTN theo mẫu B3. ĐON-BNN ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Thuyết minh đề tài theo mẫu B4a. TMĐT-BNN, đề án theo mẫu B4b. TMĐA-BNN và dự án SXTN theo mẫu B4c. TMDA-BNN ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Tóm tắt hoạt động KHCN của tổ chức đăng ký thực hiện đề tài, dự án theo mẫu B5. LLTC-BNN ban hành kèm theo Thông tư này;

đ) Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ trì đề tài, đề án, dự án SXTN và các cá nhân tham gia (tối đa 10 người), có xác nhận của cơ quan, đơn vị quản lý hành chính theo mẫu B6. LLCN-BNN ban hành kèm theo Thông tư này;

e) Sơ yếu lý lịch khoa học của chuyên gia nước ngoài (trường hợp thuê chuyên gia nước ngoài);

g) Giấy xác nhận phối hợp thực hiện đề tài, đề án, dự án SXTN theo mẫu B7. PHTH-BNN ban hành kèm theo Thông tư này (nếu có);

h) Văn bản chứng minh khả năng huy động kinh phí từ nguồn khác (trường hợp có huy động kinh phí từ nguồn khác);

i) Đối với dự án: bổ sung văn bản pháp lý cam kết và giải trình khả năng huy động kinh phí từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước ít nhất 50% tổng kinh phí dự án (báo cáo tài chính của doanh nghiệp trong 02 năm gần nhất; cam kết cho vay vốn hoặc bảo lãnh vay vốn của các tổ chức tín dụng; cam kết pháp lý và giấy tờ xác nhận về việc đóng góp vốn của tổ chức chủ trì và các tổ chức tham gia dự án).

Chúng tôi xin cam đoan những nội dung và thông tin kê khai trong Hồ sơ này là đúng sự thật.

|  |  |
| --- | --- |
| *.................., ngày……tháng….. năm 20…..* | *..................., ngày……tháng….. năm 20…..* |
| **CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM**  *(Họ, tên và chữ ký)* | **TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ/THỰC HIỆN**  *(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)* |

**Mẫu B4a. TMĐT-BNN**

# [Top of the Document](#_top)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

**THUYẾT MINH ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU   
ỨNG DỤNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ/ĐỀ TÀI TIỀM NĂNG CẤP BỘ[[2]](#footnote-3)**

# I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI

# II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG KH&CN VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

**III. SẢN PHẨM KH&CN CỦA ĐỀ TÀI**

# Các nội dung I, II và III theo Biểu B1-2a-TMĐTCN quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN, ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước

**IV. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ   
(Giải trình chi tiết xem phụ lục kèm theo)**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **26** | **Kinh phí thực hiện đề tài phân theo các khoản chi** | | | | | | |
|  | **Nguồn kinh phí** | **Tổng số** | **Trong đó** | | | | |
| **Trả công lao động** (khoa học, phổ thông) | **Nguyên, vật liệu, năng lượng** | **Thiết bị, máy móc** | **Xây dựng, sửa chữa nhỏ** | **Chi khác** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
|  | **Tổng kinh phí** |  |  |  |  |  |  |
|  | *Tỷ lệ (%)* |  |  |  |  |  |  |
|  | *Trong đó:* |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Ngân sách SNKH:  - Năm thứ nhất  - Năm thứ hai  - Năm thứ ba  … |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Dự phòng |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Nguồn khác |  |  |  |  |  |  |

*……. , ngày tháng năm 201…*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tổ chức chủ trì**  *(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)* | **Tổ chức thực hiện**  *(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)* | **Chủ nhiệm nhiệm vụ**  *(Họ tên và chữ ký)* |

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN[[3]](#footnote-4)** | |
| **TL. BỘ TRƯỞNG**  **VỤ TRƯỞNG VỤ TÀI CHÍNH**  *(Họ tên, chữ ký)* | **TL. BỘ TRƯỞNG**  **VỤ TRƯỞNG VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỞNG**  *(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)* |

**DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI**

# Bảng 1. *Giải trình kinh phí theo nội dung, khoản, mục*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nguồn kinh phí** | **Tổng số** | **Trong đó** | | | | |
| **Thuê khoán chuyên môn** | **Nguyên, vật liệu, năng lượng** | **Thiết bị, máy móc** | **Xây dựng, sửa chữa nhỏ** | **Chi khác** |
|  | **Tổng kinh phí** |  |  |  |  |  |  |
|  | *Tỷ lệ )%)* |  |  |  |  |  |  |
|  | *Trong đó:* |  |  |  |  |  |  |
| 1. | Ngân sách SNKH:  - Năm thứ nhất:  + Số tiền (1000 đ)  + Tỷ lệ (%)  - Năm thứ hai:  + Số tiền (1000 đ)  + Tỷ lệ (%)  - Năm thứ ba:  + Số tiền (1000 đ)  + Tỷ lệ (%)  - . . . . . : |  |  |  |  |  |  |
| 2. | Các nguồn vốn khác  - Vốn tự có của cơ sở  - Khác (vốn huy động, ...) |  |  |  |  |  |  |

# Căn cứ lập dự toán

# *(Liệt kê các văn bản, tài liệu liên quan làm căn cứ xây dựng dự toán gồm các quy định của nhà nước, của Bộ, của đơn vị về nội dung, định mức, đơn giá…)*Bảng 2. *Giải trình kinh phí theo nhóm mục chi (mục lục ngân sách nhà nước)*

(LẤY BIỂU MẪU THÔNG TƯ 08 CỦA BỘ KHCN)

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **T** | **Nội dung** | **Tổng** | **NSNN** | **Trong đó** | | | **Nguồn** |
| **T** |  | **KP** |  | **20..** | **20..** | **…** | **khác** |
|  | **Phần giao khoán** |  |  |  |  |  |  |
|  | Nhóm 4 |  |  |  |  |  |  |
|  | Mục |  |  |  |  |  |  |
|  | . . . |  |  |  |  |  |  |
|  | **Phần không giao khoán** |  |  |  |  |  |  |
|  | Nhóm 1 |  |  |  |  |  |  |
|  | Mục |  |  |  |  |  |  |
|  | . . . |  |  |  |  |  |  |
|  | Nhóm 2 |  |  |  |  |  |  |
|  | Mục |  |  |  |  |  |  |
|  | . . . |  |  |  |  |  |  |
|  | Tổng cộng |  |  |  |  |  |  |

Chú thích:

***B1. KP thực hiện khoán chi (có định mức được phê duyệt)***

*- Công lao động (phổ thông, kỹ thuật);*

*- Công tác phí;*

*- Hội nghị, Hội thảo ;*

*- Vật tư, nguyên vật liệu (nếu đã được ban hành);*

*- Khác (thông tư 44, QL chung, XD TM, phụ cấp CN...).*

***B2. KP không khoán***

*- Các nội dung còn lại*

# Bảng 3. Giải *trình chi tiết theo từng khoản mục*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **ĐV** | **Số**  **lượng** | **Đơn giá** | **Thành**  **Tiền** | **Chia các năm (1000 đ)** | | |
| **20..** | **20..** | **...** |
| I/ | Thuê khoán chuyên môn |  |  |  |  |  |  |  |
|  | . . . |  |  |  |  |  |  |  |
|  | . . . |  |  |  |  |  |  |  |
| II/ | Nguyên vật liệu năng lượng |  |  |  |  |  |  |  |
|  | . . . |  |  |  |  |  |  |  |
|  | . . . |  |  |  |  |  |  |  |
| III/ | Máy móc thiết bị |  |  |  |  |  |  |  |
|  | . . . |  |  |  |  |  |  |  |
|  | . . . |  |  |  |  |  |  |  |
| IV/ | Xây dựng sữa chữa |  |  |  |  |  |  |  |
|  | . . . |  |  |  |  |  |  |  |
|  | . . . |  |  |  |  |  |  |  |
| V/ | Chi khác |  |  |  |  |  |  |  |
|  | . . . |  |  |  |  |  |  |  |
|  | . . . |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |

# Bảng 4. *Dự toán chi tiết theo từng nội dung (hoặc từng hoạt động)*

**1. Nội dung 1**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **ĐV** | **Số**  **lượng** | **Đơn**  **giá** | **Thành**  **Tiền** | **Chia các năm** | | |
| **20..** | **20..** | **...** |
| I/ | Thuê khoán chuyên môn |  |  |  |  |  |  |  |
|  | . . . |  |  |  |  |  |  |  |
| II/ | Nguyên vật liệu năng lượng |  |  |  |  |  |  |  |
|  | . . . |  |  |  |  |  |  |  |
| III/ | Thiết bị máy móc |  |  |  |  |  |  |  |
|  | . . . |  |  |  |  |  |  |  |
| IV/ | Xây dựng nhỏ, sửa chữa |  |  |  |  |  |  |  |
|  | . . . |  |  |  |  |  |  |  |
| V/ | Khác |  |  |  |  |  |  |  |
|  | . . . |  |  |  |  |  |  |  |
|  | . . . |  |  |  |  |  |  |  |

**2. Nội dung 2**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **ĐV** | **Số**  **lượng** | **Đơn**  **giá** | **Thành**  **Tiền** | **Chia các năm** | | |
| **20..** | **20..** | **...** |
| I/ | Thuê khoán chuyên môn |  |  |  |  |  |  |  |
|  | . . . |  |  |  |  |  |  |  |
| II/ | Nguyên vật liệu năng lượng |  |  |  |  |  |  |  |
|  | . . . |  |  |  |  |  |  |  |
| III/ | Thiết bị máy móc |  |  |  |  |  |  |  |
|  | . . . |  |  |  |  |  |  |  |
| IV/ | Xây dựng nhỏ, sửa chữa |  |  |  |  |  |  |  |
|  | . . . |  |  |  |  |  |  |  |
| V/ | Khác |  |  |  |  |  |  |  |
|  | . . . |  |  |  |  |  |  |  |
|  | . . . |  |  |  |  |  |  |  |

**3. Nội dung 3**

. . .

. . .

Ghi chú: Chi chung được coi như 1 nội dung

# Bảng 5 *Tổng hợp kinh phí theo nội dung và tiến độ*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Địa**  **điểm** | **Thời**  **gian** | **Sản**  **phẩm** | **Kinh phí** | | | | **Ghi**  **chú** |
| **Tổng** | **Chia các năm** | | |
|  | **20..** | **20..** | ... |
| ***Nội dung 1*** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Hoạt động 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Hoạt động 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| . . . |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***Nội dung 2*** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Hoạt động 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Hoạt động 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| . . . |  |  |  |  |  |  |  |  |
| . . . |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***Nội dung 3*** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Hoạt động 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Hoạt động 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| . . . |  |  |  |  |  |  |  |  |
| . . . |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***Chi chung*** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| . . . |  |  |  |  |  |  |  |  |
| . . . |  |  |  |  |  |  |  |  |
| . . . |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Mẫu B4b. TMDA-BNN**

[Top of the Document](#_top)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

|  |
| --- |
|  |

**THUYẾT MINH DỰ ÁN SXTN CẤP BỘ**[[4]](#footnote-5)

# I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

# II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TRIỂN KHAI DỰ ÁN

**III. PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH CỦA DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM**

**IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

# Các nội dung I, II, III và IV theo Biểu B1-2c-TMDA quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN, ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

*……. , ngày tháng năm 201…*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tổ chức chủ trì**  *(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)* | **Tổ chức thực hiện**  *(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)* | **Chủ nhiệm nhiệm vụ**  *(Họ tên và chữ ký)* |

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN[[5]](#footnote-6)** | |
| **TL. BỘ TRƯỞNG**  **VỤ TRƯỞNG VỤ TÀI CHÍNH**  *(Họ tên, chữ ký)* | **TL. BỘ TRƯỞNG**  **VỤ TRƯỞNG VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỞNG**  *(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)* |

Phụ lục thuyết minh dự án (TMDA) theo mẫu Biểu B1-2c-TMDA quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN, ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

BIỂU MẪU TÀI CHÍNH CỦA THÔNG TƯ 08

**Mẫu B5. LLTC-BNN**

[Top of the Document](#_top)

**TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ[[6]](#footnote-7)**

**CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN SXTN CẤP BỘ**

Nội dung tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký theo Biểu B1-3-LLTC quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN, ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

*......................., ngày……tháng….. năm 20…..*

**TỔ CHỨC CHỦ TRÌ ĐỀTÀI/ĐỀ ÁN/DỰ ÁN SXTN**

*(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)*

Mẫu B6. LLCN-BNN

**LÝ LỊCH KHOA HỌC**

**CỦA CÁ NHÂN THỰC HIỆN CHÍNH ĐỀ TÀI, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN SXTN, ĐỀ TÀI TIỀM NĂNG CẤP BỘ[[7]](#footnote-8)**

**ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI/ ĐỀ ÁN/DỰ ÁN SXTN, ĐỀ TÀI TIỀM NĂNG:**

**ĐĂNG KÝ THAM GIA THỰC HIỆN ĐỀ TÀI/ ĐỀ ÁN/DỰ ÁN SXTN/ĐỀ TÀI TIỀM NĂNG[[8]](#footnote-9):**

Nội dung lý lịch khoa học của cá nhân theo Biểu B1-4-LLCN quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN, ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

*......................, ngày ....... tháng ....... năm 20...*

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC - NƠI LÀM VIỆC CỦA CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM (HOẶC THAM GIA THỰC HIỆN CHÍNH)**  (*Xác nhận và đóng dấu*)  *Đơn vị đồng ý và sẽ dành thời gian cần thiết để Ông, Bà ........ chủ trì (tham gia) thực hiện*  *Đề tài/ Đề án/Dự án SXTN/Đề tài tiềm năng cấp Bộ* | **CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM**  **(HOẶC THAM GIA THỰC HIỆN CHÍNH)**  (*Họ tên và chữ ký*) |

**Mẫu B7. PHTH-BNN**

[Top of the Document](#_top)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

**GIẤY XÁC NHẬN PHỐI HỢP THỰC HIỆN[[9]](#footnote-10)**

**ĐỀ TÀI, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN SXTN, ĐỀ TÀI TIỀM NĂNG CẤP BỘ**

Kính gửi: **Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

Nội dung thông tin của tổ chức phối hợp theo Biểu B1-5-PHNC quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN, ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

|  |  |
| --- | --- |
| *.................., ngày……tháng….. năm 20…..* | *.................., ngày……tháng….. năm 20…..* |
| **CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM**  *(Họ, tên và chữ ký)* | **TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ /THỰC HIỆN**  *(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)* |
|  | |
| *................., ngày……tháng….. năm 20…..* TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ PHỐI HỢP THỰC HIỆN *(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)* | |

**Mẫu B8. BBMHS-BNN**

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ NÔNG NGHIỆP**  **VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | ....................., ngày ...... tháng .... năm 20... |

# BIÊN BẢN MỞ HỒ SƠ

# ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN

# CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN SXTN CẤP BỘ

**Tên đề tài/đề án/dự án:**

**Thuộc lĩnh vực/ chuyên ngành khoa học:**

- Căn cứ Thông tư số …../2020/TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Hôm nay, ngày ...... tháng..... năm 20......, tại …. ,Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường tổ chức mở hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì đề tài/đề án/dự án STXN

I. Thành phần tham dự mở hồ sơ:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên cơ quan/ tổ chức** | **Tên** | **Chức vụ** |
| 1 | Vụ Khoa học, CN và MT |  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
| 2 | Đại diện tổ chức và cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn |  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
| 3 | Tổ chức khác |  |  |
|  |  |

**III. Tình trạng hồ sơ**

**-** Tổng số Hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp: ...... Hồ sơ.

**-** Về hiện trạng niêm phong của các Hồ sơ: Số Hồ sơ được niêm phong kín đến thời điểm mở Hồ sơ: .../... (tổng số Hồ sơ đăng ký).

**-** Tình trạng của các Hồ sơ đăng ký tuyển chọn, xét chọn như:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên tổ chức/cá nhân đăng ký tuyển chọn | Nộp đúng hạn | Tính đầy đủ về số lượng của hồ sơ đăng ký | Tổ chức đăng ký chủ trì thực hiện | | Cá nhân chủ nhiệm đề tài, dự án | |
| Chuyển môn phù hợp, có tư cách pháp nhân | Không vi phạm quy định tại ….Thông tư số …../2020/TT-BNNPTNT | Chuyên môn phù hợp, đủ thâm niên | Không vi phạm quy định tại ….Thông tư số …../2020/TT-BNNPTNT |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |

**IV. Kết luận về những Hồ sơ hợp lệ đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT đưa vào đánh giá tuyển chọn:**

- Trong số .......... Hồ sơ đăng ký, có .......... Hồ sơ hợp lệ, đủ điều kiện đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT đưa vào xem xét đánh giá.

Danh mục Hồ sơ hợp lệ được đánh giá tuyển chọn, giao trực tiếp để chủ trì thực hiện Đề tài, Đề án, Dự án SXTN có tên nêu trên đây gồm có:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tổ chức/cá nhân đăng ký chủ trì đề tài/đề án/ dự án** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |
| 2 |  |  |
| 3 |  |  |

Biên bản được thông qua hồi .... giờ .... ngày .... tháng .... năm .........

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC VÀ CÁC NHÂN ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP**  *(Họ, tên và chữ ký)* | **ĐẠI DIỆN VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**  *(Họ, tên và chữ ký)* |

**Mẫu B9a. PNXĐT-BNN**

# [Top of the Document](#_top)

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ NÔNG NGHIỆP**  **VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**  **CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI/ĐỀ ÁN/ĐỀ TÀI TIỀM NĂNG** | *..........., ngày.....tháng.....năm 20...* |

**PHIẾU NHẬN XÉT**

**HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI/ĐỀ ÁN/ĐỀ TÀI TIỀM NĂNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CẤP BỘ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuyên gia/Ủy viên phản biện** |  |
| **Ủy viên hội đồng** |  |

Nội dung Phiếu nhận xét theo Biểu B2-2a-NXĐTCN quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN, ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

**Kiến nghị của chuyên gia/Ủy viên hội đồng:** (đánh dấu **X** vào 1 trong 3 ô dưới đây)

Đề nghị thực hiện.

Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

Đề nghị không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp dưới 70/100 điểm).

***Nhận xét, kiến nghị:***

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  | *Ngày.....tháng.....năm 20...*  *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

**Mẫu B9b. PNXĐT/KTCS-BNN**

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ NÔNG NGHIỆP**  **VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN**  **TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI/ĐỀ ÁN NGHIÊN CỨU KH&CN LĨNH VỰC KINH TẾ-CHÍNH SÁCH NÔNG NGHIỆP & PTNT** | ..........., ngày.....tháng.....năm 20... |

# PhiẾu NHẬN XÉT

# hỒ sơ ĐĂng ký tuyỂn chỌn, giao TRỰC TIẾP

# tỔ chỨc, cÁ nhÂn chỦ trÌ ĐỀ tÀI/ĐỀ ÁN CẤP BỘ

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuyên gia/Ủy viên phản biện** |  |
| **Ủy viên hội đồng** |  |

Nội dung Phiếu nhận xét theo Biểu B2-2b-NXĐTXH quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN, ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

**Kiến nghị của chuyên gia/Ủy viên Hội đồng:** (đánh dấu **X** vào 1 trong 3 ô dưới đây)

Đề nghị thực hiện.

Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

Đề nghị không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp dưới 70/100 điểm).

***Nhận xét, kiến nghị:***

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  | *Ngày.....tháng.....năm 20...*  *(đánh giá ký, ghi rõ họ tên)* |

**Mẫu B9c. PNXDA-BNN**

# [Top of the Document](#_top)

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ NÔNG NGHIỆP**  **VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ DỰ ÁN SXTN** | *..........., ngày.....tháng.....năm 20...* |

**PHIẾU NHẬN XÉT**

**HỒ SƠ ĐĂNG KÝ GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ DỰ ÁN SXTN CẤP BỘ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuyên gia/Ủy viên phản biện** |  |
| **Ủy viên hội đồng** |  |

Nội dung Phiếu nhận xét theo Biểu B2-2c-NXDA quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN, ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

**Kiến nghị của chuyên gia/ủy viên hội đồng:** (đánh dấu **X** vào 1 trong 3 ô dưới đây)

Đề nghị thực hiện.

Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

Đề nghị không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp dưới 70/100 điểm).

***Nhận xét, kiến nghị:***

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  | *Ngày.....tháng.....năm 20...*  *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

**Mẫu B10a. PĐGĐT-BNN**

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ NÔNG NGHIỆP**  **VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**  **CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI/ĐỀ ÁN/ĐỀ TÀI TIỀM NĂNG** | *..........., ngày.....tháng.....năm 20...* |

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ**

**HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI/ĐỀ ÁN/ĐỀ TÀI TIỀM NĂNG CẤP BỘ**

Nội dung tiêu chí đánh giá theo Biểu B2-3a-ĐGĐTCN quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN, ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

**Kiến nghị của chuyên gia/ủy viên hội đồng:** (đánh dấu **X** vào 1 trong 3 ô dưới đây)

Đề nghị thực hiện.

Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

Đề nghị không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp dưới 70/100 điểm).

***Nhận xét, kiến nghị:***

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  | *Ngày.....tháng.....năm 20...*  *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

**Mẫu B10b. PĐGĐT/KTCS-BNN**

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ NÔNG NGHIỆP**  **VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN**  **TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI/ĐỀ ÁN NGHIÊN CỨU KH&CN LĨNH VỰC KINH TẾ-CHÍNH SÁCH NÔNG NGHIỆP & PTNT** | Hà Nội, ngày tháng năm 20…… |

# PhiẾu ĐÁNH GIÁ

# hỒ sơ ĐĂng ký tuyỂn chỌn, giao TRỰC TIẾP

# tỔ chỨc, cÁ nhÂn chỦ trÌ ĐỀ tÀI/ĐỀ ÁN CẤP BỘ

Nội dung tiêu chí đánh giá theo Biểu B2-3b-ĐGĐTXH quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN, ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

**Kiến nghị của chuyên gia/ủy viên hội đồng:** (đánh dấu **X** vào 1 trong 3 ô dưới đây)

Đề nghị thực hiện.

Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

Đề nghị không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp dưới 70/100 điểm).

***Nhận xét, kiến nghị:***

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  | *Ngày.....tháng.....năm 20...*  *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

**Mẫu B10d. PĐGDA-BNN**

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ NÔNG NGHIỆP**  **VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ DỰ ÁN SXTN** | *..........., ngày.....tháng.....năm 20...* |

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ**

**HỒ SƠ ĐĂNG KÝ GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ DỰ ÁN SXTN CẤP BỘ**

Nội dung tiêu chí đánh giá theo Biểu B2-3c-ĐGDA quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN, ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

**Kiến nghị của chuyên gia/ủy viên hội đồng::** (đánh dấu **X** vào 1 trong 3 ô dưới đây)

Đề nghị thực hiện.

Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

Đề nghị không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp dưới 70/100 điểm).

***Nhận xét, kiến nghị:***

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  | *Ngày.....tháng.....năm 20...*  *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

**Mẫu B11-BBKPĐGHS-BNN**

# [Top of the Document](#_top)

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ NÔNG NGHIỆP**  **VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN**  **TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN** | *..........., ngày.....tháng.....năm 20...* |

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ**

**HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN SXTN CẤP BỘ, ĐỀ TÀI TIỀM NĂNG CẤP BỘ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên Đề tài, Đề án, dự án SXTN, đề tài tiềm năng:** |  | |
| **Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:**  *Tên tổ chức:*  *Họ và tên cá nhân:* | | |
|  | | |
| **1. Số phiếu phát ra:** | | **2. Số phiếu thu về:** |
| **3. Số phiếu hợp lệ:** | | **4. Số phiếu không hợp lệ:** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Ủy viên** | **Tiêu chí đánh giá** | | | | | | **Tổng số điểm** |
| Tiêu chí 1 | Tiêu chí 2 | Tiêu chí 3 | Tiêu chí 4 | Tiêu chí 5 | Tiêu chí 6 |
| 1 | Ủy viên thứ nhất |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Ủy viên thứ hai |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Ủy viên thứ ba |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | **......................** |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng số**  **điểm trung bình** |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các thành viên ban kiểm phiếu** | | **Trưởng ban kiểm phiếu**  *(Họ, tên và chữ ký)* |
| **Thành viên thứ 1**  *(Họ, tên và chữ ký)* | **Thành viên thứ 2**  *(Họ, tên và chữ ký)* |

**Mẫu B12-BTHKP-BNN**

# [Top of the Document](#_top)

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ NÔNG NGHIỆP**  **VÀPHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**  **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN**  **TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ Đề tÀI, Đề ÁN, dự Án SXTN, Đề tÀI tiềm nĂng** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 20* |

**BẢN TỔNG HỢP KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ[[10]](#footnote-11)**

**HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN**

**CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN SXTN, ĐỀ TÀI TIỀM NĂNG**

**Tên Đề tài, Đề án, dự án SXTN, đề tài tiềm năng:**

.......................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tổ chức và cá nhân**  **đăng ký chủ trì thực hiện Đề tài, Đề án, dự án SXTN, đề tài tiềm năng** | **Tổng số điểm trung bình của các thành viên Hội đồng**  *(theo thứ tự từ cao*  *xuống thấp)* | **Ghi chú** |
| 1 | 2 | 3 | 4 |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| 3 |  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các thành viên ban kiểm phiếu** | | **Trưởng ban kiểm phiếu**  *(Họ, tên và chữ ký)* |
| **Thành viên thứ 1**  *(Họ, tên và chữ ký)* | **Thành viên thứ 2**  *(Họ, tên và chữ ký)* |

**B13-BBHĐĐGHS-BNN**

# [Top of the Document](#_top)

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ NÔNG NGHIỆP**  **VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**  **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN**  **TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ Đề tài, Đề án, dự án SXTN, đề tài tiềm năng** | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 20* |

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG TƯ VẤN**

**ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC VÀ**

**CÁ NHÂN CHỦ TRÌ Đề tài, Đề án, dự án SXTN, đề tài tiềm năng**

Nội dung biên bản theo Biểu B2-6-BBHĐ quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN, ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

**D. Kết luận, kiến nghị của Hội đồng** *(để lại những nội dung thích hợp và các nội dung cần sửa đổi)*

**2.6.1**/ Kết quả đánh giá của Hội đồng

**-** Căn cứ kết quả kiểm phiếu, Hội đồng kiến nghị tổ chức và cá nhân sau đây chủ trì Đề tài, Đề án, dự án SXTN, đề tài tiềm năng nêu trên:

*Tên tổ chức*

......................................................................................................................................................

*Họ và tên cá nhân*

......................................................................................................................................................

**2.6.2**/ Hội đồng kiến nghị những điểm sau đây:

- Về những nội dung cần bổ sung, sửa đổi trong Thuyết minh

- Về kinh phí thực hiện

- Về những điểm cần lưu ý khác trong quá trình hoàn thiện Hồ sơ của tổ chức và cá nhân được kiến nghị chủ trì

|  |  |
| --- | --- |
| **THƯ KÝ KHOA HỌC**  *(Họ, tên và chữ ký)* | **CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**  *(Họ, tên và chữ ký)* |

**NHỮNG Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG**

**(ghi chép của Thư ký khoa học của Hội đồng)**

**Mẫu B14a. BBTĐĐT-BNN**

# [Top of the Document](#_top)

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ NÔNG NGHIỆP**  **VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**  **TỔ THẨM ĐỊNH ĐỀ TÀI** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc** |

# BIÊN BẢN HỌP TỔ THẨM ĐỊNH

# ĐỀ TÀI/ĐỀ ÁN/ĐỀ TÀI TIỀM NĂNG CẤP BỘ

Nội dung Biên bản họp tổ thẩm định đề tài/đề án/đề tài tiềm năng cấp Bộ theo Biểu B3-2a-BBTĐĐT quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN, ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Biên bản được lập xong lúc ......... ngày........ tháng…… năm …… và đã được Tổ thẩm định nhất trí thông qua./.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tổ trưởng *(Họ, tên và chữ ký)* | | **Tổ phó**  *(Họ, tên và chữ ký)* | |
| **Thành viên** | **Thành viên** | **Thành viên** | **Thành viên** |
|  | |  |  |

**Mẫu B14b. BBTĐDA-BNN**

[Top of the Document](#_top)

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ NÔNG NGHIỆP**  **VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**  **TỔ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc** |

# BIÊN BẢN HỌP TỔ THẨM ĐỊNH

# DỰ ÁN SXTN CẤP BỘ

Nội dung Biên bản họp tổ thẩm định dự án SXTN cấp Bộ theo Biểu B3-2b-BBTĐDA quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN, ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Biên bản được lập xong lúc ......... ngày........ tháng…… năm …… và đã được Tổ thẩm định nhất trí thông qua./.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tổ trưởng *(Họ, tên và chữ ký)* | | **Tổ phó**  *(Họ, tên và chữ ký)* | |
| **Thành viên**  *(Họ, tên và chữ ký)* | **Thành viên**  *(Họ, tên và chữ ký)* | **Thành viên**  *(Họ, tên và chữ ký)* | **Thành viên**  *(Họ, tên và chữ ký)* |

**Mẫu B15a. HDKHCN-BNN**

[Top of the Document](#_top)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
---------------**

*…………, ngày……..tháng……..năm 20……..*

**Hợp đồng nghiên cứu khoa học và công nghệ thực hiện**

**đề tài, đề án, dự án SXTN cấp Bộ**

Số: ..…… /HĐ-BNN-KHCN/20…/…[[11]](#footnote-12)

Căn cứ Bộ luật dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành "Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ”;

Căn cứ ……..*(Ghi các Quyết định phê duyệt, giao, triển khai thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ này)*

*Căn cứ Quyết định số ….*

*Căn cứ …..*

**CHÚNG TÔI GỒM:**

**1. Bên đặt hàng (Bên A):** (Ghi tên tổ chức có thẩm quyền ký kết Hợp đồng được quy định tại Khoản 2 Điều 27 Luật khoa học và công nghệ).

- Do Ông/Bà ...............................................................................................................

- Chức vụ: ………………………………………………làm đại diện.

- Địa chỉ: .....................................................................................................................

- Điện thoại: …………………………………………………Email: ................................

**2. Bên nhận đặt hàng (Bên B):** (Ghi tên tổ chức chủ trì thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm):

2.1Tổ chức chủ trì

- Do Ông/Bà: ..............................................................................................................

- Chức vụ: ……………………………………………………làm đại diện.

- Địa chỉ: .....................................................................................................................

- Điện thoại: …………………………… Email: ............................................................

- Số tài khoản: ............................................................................................................

- Tại:............................................................................................................................

2.2 Tổ chức thực hiện

- Do Ông/Bà: ..............................................................................................................

- Chức vụ: ……………………………………………………làm đại diện.

- Địa chỉ: .....................................................................................................................

- Điện thoại: …………………………… Email: ............................................................

- Số tài khoản: ............................................................................................................

- Tại:............................................................................................................................

2.3 Chủ nhiệm Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm

- Do Ông/Bà: ..............................................................................................................

- Chức vụ: ……………………………………………………

- Địa chỉ: .....................................................................................................................

- Điện thoại: …………………………… Email..................................

Cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng thực hiện....[2](#_ftn2) (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

**Điều 1. Đặt hàng và nhận đặt hàng thực hiện Đề tài/Đề án/ Dự án sản xuất thử nghiệm.**

Bên A đặt hàng và Bên B nhận đặt hàng thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm"..."[3](#_ftn3) theo các nội dung trong Thuyết minh Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (sau đây gọi tắt là Thuyết minh).

Thuyết minh là bộ phận không tách rời của Hợp đồng.

**Điều 2. Thời gian thực hiện Hợp đồng**

Thời gian thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm là ……… tháng, từ tháng ……….năm 20 ……..đến tháng ... năm 20 …….

**Điều 3. Kinh phí thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm**

1. Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm được thực hiện theo hình thức[4](#_ftn4): Khoán chi một phần/Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng.

2. Tổng kinh phí thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm là ……… (bằng chữ……… ), trong đó:

- Kinh phí từ ngân sách nhà nước:……………. (bằng chữ…..).

+ Kinh phí khoán: ……………. (bằng chữ…..).

+ Kinh phí không giao khoán: ……………. (bằng chữ…..)[5](#_ftn5)

- Kinh phí từ nguồn khác: ……………. (bằng chữ…..)[6](#_ftn6).

3. Tiến độ cấp kinh phí: Tiến độ cấp kinh phí được ghi trong Thuyết minh phù hợp với quy định pháp luật.

**Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên**

**1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A**

a) Cung cấp các thông tin cần thiết cho việc triển khai, thực hiện Hợp đồng;

b) Bố trí cho Bên B số kinh phí từ ngân sách nhà nước quy định tại Khoản 2 Điều 3 Hợp đồng này theo tiến độ kế hoạch, tương ứng với các nội dung nghiên cứu được phê duyệt;

c) Phê duyệt kế hoạch đấu thầu, mua sắm máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có);

d) Trước mỗi đợt cấp kinh phí, trên cơ sở báo cáo tình hình thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm của Bên B, Bên A căn cứ vào sản phẩm, khối lượng công việc đã hoàn thành theo Thuyết minh để cấp tiếp kinh phí thực hiện Hợp đồng. Bên A có quyền thay đổi tiến độ cấp hoặc ngừng cấp kinh phí nếu Bên B không hoàn thành công việc đúng tiến độ, đúng nội dung công việc được giao;

đ) Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất để đánh giá tình hình Bên B thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm theo Thuyết minh;

e) Kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết kiến nghị, đề xuất của Bên B về điều chỉnh nội dung chuyên môn, kinh phí và các vấn đề phát sinh khác trong quá trình thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm;

g) Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm của Bên B theo các yêu cầu, chỉ tiêu trong Thuyết minh;

h) Có trách nhiệm cùng Bên B tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định hiện hành;

i) Phối hợp cùng Bên B xử lý tài sản được mua sắm bằng ngân sách nhà nước hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm sử dụng ngân sách nhà nước (nếu có) theo quy định của pháp luật;

k) Tiếp nhận kết quả thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm, bàn giao kết quả thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm cho tổ chức đề xuất đặt hàng hoặc tổ chức triển khai ứng dụng sau khi được nghiệm thu;

l) Có trách nhiệm hướng dẫn việc trả thù lao cho tác giả nếu có lợi nhuận thu được từ việc ứng dụng kết quả của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm và thông báo cho tác giả việc bàn giao kết quả thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm (nếu có);

m) Ủy quyền cho Bên B tiến hành đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm (nếu có) theo quy định hiện hành;

n) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.

**2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B**

a) Tổ chức triển khai đầy đủ các nội dung nghiên cứu của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm đáp ứng các yêu cầu chất lượng, tiến độ và chỉ tiêu theo Thuyết minh;

b) Cam kết thực hiện và bàn giao sản phẩm cuối cùng đáp ứng đầy đủ các tiêu chí đã được phê duyệt;

c) Được quyền tự chủ, tự quyết định việc sử dụng phần kinh phí được giao khoán để thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm;

d) Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin cần thiết để triển khai thực hiện Hợp đồng;

đ) Kiến nghị, đề xuất điều chỉnh các nội dung chuyên môn, kinh phí và thời hạn thực hiện Hợp đồng khi cần thiết;

e) Yêu cầu Bên A cấp đủ kinh phí theo đúng tiến độ quy định trong Hợp đồng khi hoàn thành đầy đủ nội dung công việc theo tiến độ cam kết. Đảm bảo huy động đủ nguồn kinh phí khác theo cam kết. Sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ hiện hành và có hiệu quả;

g) Xây dựng kế hoạch đấu thầu mua sắm máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có) để gửi Bên A phê duyệt và thực hiện mua sắm theo quy định của pháp luật;

h) Chấp hành các quy định pháp luật trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm theo quy định của pháp luật;

i) Thực hiện việc tự đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở theo quy định hiện hành khi kết thúc Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm. Sau khi đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở hoàn chỉnh lại hồ sơ theo kết luận của Hội đồng đánh giá cấp cơ sở, Bên B có trách nhiệm chuyển cho Bên A các hồ sơ để Bên A tiến hành việc đánh giá, nghiệm thu theo quy định pháp luật;

k) Có trách nhiệm quản lý tài sản được mua sắm bằng ngân sách nhà nước hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm sử dụng ngân sách nhà nước (nếu có) cho tới khi có quyết định xử lý các tài sản đó của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

l) Có trách nhiệm cùng Bên A tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định;

m) Thực hiện việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo ủy quyền của Bên A đối với kết quả nghiên cứu (nếu có);

n) Thực hiện đăng ký, giao nộp kết quả thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm tại cơ quan thông tin khoa học và công nghệ quốc gia và tại các tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ theo quy định pháp luật;

o) Công bố kết quả thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm sau khi được Bên A cho phép;

p) Chủ nhiệm Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm cùng với các cá nhân trực tiếp sáng tạo ra kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được đứng tên tác giả trong Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm và hưởng quyền tác giả bao gồm cả các lợi ích thu được (nếu có) từ việc khai thác thương mại các kết quả thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm theo quy định pháp luật và các thỏa thuận khác (nếu có);

q) Có trách nhiệm trực tiếp hoặc tham gia triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo yêu cầu của Bên A hoặc tổ chức, cá nhân được Bên A giao quyền sở hữu, sử dụng kết quả thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm;

r) Thực hiện bảo mật các kết quả thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm theo quy định về bảo vệ bí mật của nhà nước;

s) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Luật khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.

**Điều 5. Chấm dứt Hợp đồng**

Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm đã kết thúc và được nghiệm thu.

2. Có căn cứ để khẳng định việc thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm là không cần thiết và hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.

3. Bên B bị đình chỉ thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

4. Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm theo quy định pháp luật.

5. Bên A vi phạm một trong các điều kiện dẫn đến việc Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm không thể tiếp tục thực hiện do:

a) Không cấp đủ kinh phí theo tiến độ thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm mà không có lý do chính đáng;

b) Không kịp thời giải quyết những kiến nghị, đề xuất của Bên B theo quy định của pháp luật.

**Điều 6. Xử lý tài chính khi chấm dứt Hợp đồng**

1. Đối với Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm đã kết thúc và được nghiệm thu:

a) Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm đã kết thúc và đánh giá nghiệm thu từ mức “Đạt” trở lên thì Bên A thanh toán đầy đủ kinh phí cho Bên B theo quy định tại Hợp đồng này.

b)Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm đã kết thúc, nhưng nghiệm thu mức “không đạt” thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà nước đã cấp nhưng chưa sử dụng. Bên B nộp hoàn trả ngân sách nhà nước ....[7](#_ftn7) tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng cho Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm nếu do lỗi khách quan hoặc ….8 tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng cho Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm nếu do lỗi chủ quan.

2. Đối với Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện:

a) Trường hợp Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện thì hai bên cùng nhau xác định khối lượng công việc Bên B đã thực hiện để làm căn cứ thanh toán số kinh phí Bên B đã sử dụng nhằm thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm và thu hồi số kinh phí còn lại đã cấp cho Bên B.

b) Trường hợp hai bên thỏa thuận ký Hợp đồng mới để thay thế và kết quả nghiên cứu của Hợp đồng cũ là một bộ phận cấu thành kết quả nghiên cứu của Hợp đồng mới thì số kinh phí đã cấp cho Hợp đồng cũ được tính vào kinh phí cấp cho Hợp đồng mới và được tiếp tục thực hiện với Hợp đồng mới.

3. Đối với Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm bị đình chỉ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Hợp đồng bị chấm dứt do Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm theo quy định pháp luật thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà nước đã được cấp nhưng chưa sử dụng. Bên B nộp hoàn trả ngân sách nhà nước ....9 tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng cho Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm nếu do lỗi khách quan hoặc  ….10 tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng cho Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm nếu do lỗi chủ quan.

4. Đối với Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm không hoàn thành do lỗi của Bên A dẫn đến việc chấm dứt Hợp đồng thì Bên B không phải bồi hoàn số kinh phí đã sử dụng để thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm, nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

**Điều 7. Xử lý tài sản khi chấm dứt Hợp đồng****[11](#_ftn8)**

1. Khi chấm dứt Hợp đồng, việc xử lý tài sản được mua sắm hoặc được hình thành bằng ngân sách nhà nước cấp cho Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm được thực hiện theo quy định pháp luật.

2. Các sản phẩm vật chất của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm sử dụng ngân sách nhà nước: nguồn thu khi các sản phẩm này được tiêu thụ trên thị trường sau khi trừ các khoản chi phí cần thiết, hợp lệ, được phân chia theo quy định pháp luật.

**Điều 8. Điều khoản chung**

1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu một trong hai bên có yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung hoặc có căn cứ để chấm dứt thực hiện Hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia ít nhất là 15 ngày làm việc trước khi tiến hành sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt thực hiện Hợp đồng, xác định trách nhiệm của mỗi bên và hình thức xử lý. Các sửa đổi, bổ sung (nếu có) phải lập thành văn bản có đầy đủ chữ ký của các bên và được coi là bộ phận của Hợp đồng và là căn cứ để nghiệm thu kết quả của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm.

2. Khi một trong hai bên gặp phải trường hợp bất khả kháng dẫn đến việc không thể hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận trong Hợp đồng thì có trách nhiệm thông báo cho Bên kia trong 10 ngày làm việc kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Hai bên có trách nhiệm phối hợp xác định nguyên nhân và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Hai bên cam kết thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng và có trách nhiệm hợp tác giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện. Bên vi phạm các cam kết trong Hợp đồng phải chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật.

4. Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng do các bên thương lượng hòa giải để giải quyết. Trường hợp không hòa giải được thì một trong hai bên có quyền đưa tranh chấp ra Trọng tài để giải quyết (hoặc khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự)[12](#_ftn9).

**Điều 9. Hiệu lực của Hợp đồng**

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ……….. Hợp đồng này được lập thành .... bản và có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ ....bản./.

|  |  |
| --- | --- |
| **BÊN A** (Bên đặt hàng) (Chữ ký, ghi rõ họ và tên và đóng dấu) | **BÊN B** (Bên nhận đặt hàng) (Chữ ký, ghi rõ họ và tên và đóng dấu - nếu có) |

**Mẫu B16. BCĐK-BNN**

[Top of the Document](#_top)

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ NÔNG NGHIỆP**  **VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| (Cơ quan chủ trì/thực hiện đề tài, đề án, dự án SXTN) |  |

# BÁO CÁO ĐỊNH KỲ

# Tình hình thực hiện đề tài, đề án, đề tài tiềm năng, dự án SXTN [[12]](#footnote-13)

**Nơi nhận báo cáo:**

Nhận ngày: …./…./20...

1. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường ( đối với đề tài, đề án, dự án SXTN)
2. Vụ Tài chính (đối với đề tài, đề án, dự án SXTN)
3. Tổ chức chủ trì (đối với đề tài tiềm năng)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1.** | Tên đề tài, đề án, đề tài tiềm năng, dự án SXTN:  ............................................................................................................................................................................................................................ | | | | | | | | | **2. Ngày báo cáo**  ........./......./20...  Kỳ : ............ | | | |
| **3.** | Cơ quan chủ trì/thực hiện: ....................................................................................................................................  Chủ nhiệm đề tài, đề án, đề tài tiềm năng, dự án SXTN: ..................................................................................................................................... | | | | | | | | | | | | |
| **4.** | Thời gian thực hiện: ... tháng từ .... /..../20.. đến ... /..../20.. | | | | | | | | | | | | |
| **5.** | Tổng kinh phí: .....................triệu đồng | | | | | | | | | | | | |
| **6.** | Khối lượng công việc chính đã thực hiện tính từ ngày...../...../200... đến ngày báo cáo  *( Báo cáo và đánh giá khối lượng công việc hoàn thành so với kế hoạch thực hiện của năm)* | | | | | | | | | | | | |
|  | Nội dung công việc theo  kế hoạch được duyệt | | Nội dung công việc  đã thực hiện và kết quả chính đạt được | | | | | Lý giải việc tăng/giảm so với kế hoạch | | | | | |
| *1* |  | |  | | | | |  | | | | | |
| *2* |  | |  | | | | |  | | | | | |
| **..** |  | |  | | | | |  | | | | | |
| **7.** | Số lượng (cộng luỹ kế)\* sản phẩm khoa học và công nghệ (kết quả KHCN) cụ thể đã hoàn thành đến ngày báo cáo | | | | | | | | | | | | |
|  |
| TT | | Tên sản phẩm  *(Dạng I, II,III,IV)* | | | Đơn vị đo | Số lượng | | | | | | | |
| Kế hoạch | | | Thực hiện | | | | |
| Trước kỳ báo cáo | | Trong kỳ báo cáo | | Tổng số |
| *1* | |  | | |  |  | | |  | |  | |  |
| *2* | |  | | |  |  | | |  | |  | |  |
| .. | |  | | |  |  | | |  | |  | |  |
| **8.** | | *Số lượng sản phẩm đã được sử dụng hoặc tiêu thụ và doanh thu bán sản phẩm (nếu có)* | | | | | | | | | | | |
| TT | | Tên sản phẩm | | Đơn vị đo | | | Số lượng | | Doanh thu, tr. đ. | | | Đơn vị sử dụng | |
| 1 | |  | |  | | |  | |  | | |  | |
| 2 | |  | |  | | |  | |  | | |  | |
| ... | |  | |  | | |  | |  | | |  | |

*\* Ghi chú: Cộng luỹ kế các kỳ báo cáo trước*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **9.** | *Chất lượng, chỉ tiêu kỹ thuật đối với sản phẩm trong kỳ báo cáo* | | | | | | |
|  | | | | | | | |
| TT | Tên sản phẩm và chỉ tiêu chất lượng và thông số kỹ thuật chủ yếu. *(Sản phẩm nào đã được công nhận là TBKT cần ghi rõ số quyết định, thời gian)* | | | | Đơn vị đo | Mức chất lượng | |
| Kế hoạch | Thực hiện |
| 1 |  | | | |  |  |  |
| 2 |  | | | |  |  |  |
| ... |  | | | |  |  |  |
| **10.** | **Nhận xét và đánh giá kết quả đạt được (*trong kỳ báo cáo*)** | | | | | | |
| 10.1 | Nhận xét và đánh giá về số lượng và khối lượng sản phẩm | | | | | | |
| 10.2 | Nhận xét và đánh giá về chất lượng sản phẩm | | | | | | |
| **11.** | Kinh phí | | |  | | | |
| a) Kinh phí luỹ kế đã được cấp trước kỳ báo cáo là ...........triệu đồng  b) Kinh phí đã được cấp trong kỳ báo cáo: | | | | | | | |
| Đợt | | Thời gian | Số tiền (triệu đồng) | | | | |
| 1 | | / /20.. |  | | | | |
| 2 | | / /20.. |  | | | | |
| .... | |  |  | | | | |
| **Cộng luỹ kế (a và b)** | | |  | | | | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **12.** | | Tình hình sử dụng kinh phí để thực hiện đề tài, dự án tính đến kỳ báo cáo (tr. đồng) | | | | | | | | |
| TT | |  | Tổng số tiền đã sử dụng | Trong đó, | | | | | | |
| Thuê khoán chuyên môn | | Nguyên vật liệu, năng lượng | Thiết bị, máy móc | Xây dựng nhỏ, sửa chữa | Khác | |
| 1 | | 2 | 3 | 4 | | 5 | 6 | 7 | 8 | |
| ***12.1.1. Tổng kinh phí Đề tài (a và b)*** | | |  |  | |  |  |  |  | |
| Trong đó: | | |  |  | |  |  |  |  | |
|  | ***a) Ngân sách SNKH*** | |  |  | |  |  |  |  | |
|  | - Tính đến kỳ báo cáo | |  |  | |  |  |  |  | |
|  | - Trong kỳ báo cáo | |  |  | |  |  |  |  | |
|  | Cộng | |  |  | |  |  |  |  | |
|  | ***b) Nguồn vốn khác*** | |  |  | |  |  |  |  | |
|  |  | |  |  | |  |  |  |  | |
| ***12.1.2. Tổng kinh phí Dự án SXTN*** | | |  |  | |  |  |  |  | |
| Nội dung các khoản chi | | | Theo kế hoạch | | | | Thực tế đạt được | | | |
| Tổng | SNKH | | Nguồn khác | Tổng | SNKH | Nguồn khác | |
|  | Thiết bị, máy móc mua mới | |  |  | |  |  |  |  | |
|  | Nhà xưởng xây dựng mới, cải tạo | |  |  | |  |  |  |  | |
|  | Kinh phí hỗ trợ công nghệ | |  |  | |  |  |  |  | |
|  | Chi phí lao động | |  |  | |  |  |  |  | |
|  | Nguyên vật liệu, năng lượng | |  |  | |  |  |  |  | |
|  | Thuê thiết bị, nhà xưởng | |  |  | |  |  |  |  | |
|  | Khác | |  |  | |  |  |  |  | |
| ***12.2. Kinh phí đã được cấp và sử dụng tính đến kỳ báo cáo*** | | | | | | | | | | |
|  | Tổng kinh phí đã được cấp: | | | | ...............triệu đồng | | | | | |
|  | Kinh phí đã sử dụng: | | | | ............triệu đồng | | | | | |
|  | Kinh phí đã quyết toán: | | | | ...............triệu đồng | | | | | |
| **13.** | Kế hoạch thực hiện các công việc chưa hoàn thành theo nội dung, tiến độ được duyệt | | | | | | | | |
| . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .. . . .  . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .. . . | | | | | | | | | |
| **14.** | Kết luận và kiến nghị | | | | | | | | |
| . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .  . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . | | | | | | | | | |
|  | | | | | | | | | |

*Ngày……tháng….. năm 20…..*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  | |  |
| **CHỦ NHIỆM**  *(họ tên, chữ ký)* | | **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**  *(họ tên, chữ ký, đóng dấu)* | |
|  | |  | |
| **TỔ CHỨC CHỦ TRÌ**  *(Họ, tên và chữ ký)* |  | |  |

**Mẫu B17. BBKT-BNN**

[Top of the Document](#_top)

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ NÔNG NGHIỆP**  **VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | ................., ngày......... tháng......... năm 20.......... |

**BIÊN BẢN KIỂM TRA HÀNG NĂM THỰC HIỆN ĐỀ TÀI, ĐỀ ÁN, ĐỀ TÀI TIỀM NĂNG, DỰ ÁN SXTN**

**Tên đề tài, đề án, đề tài tiềm năng, dự án SXTN**:

**Cơ quan chủ trì/thực hiện đề tài, đề án, đề tài tiềm năng, dự án SXTN**:

**Chủ nhiệm đề tài, đề án, đề tài tiềm năng, dự án SXTN:**

**Ngày tháng kiểm tra**:

**Địa điểm kiểm tra:**

***I. Thành phần Đoàn kiểm tra:***

..............................................................................................................................

..............................................................................................................................

..............................................................................................................................

................................................................................................................................

................................................................................................................................

................................................................................................................................

***II. Tài liệu phục vụ kiểm tra:***

1. Báo cáo định kỳ tình hình thực hiện Đề tài, đề án, đề tài tiềm năng, dự án SXTN;

2. Các sản phẩm của Đề tài, đề án, đề tài tiềm năng, dự án SXTN đến kỳ báo cáo (*các qui trình công nghệ, Các SP phần mềm, SP trung gian và bản vẽ thiết kế, mẫu máy, thiết bị hoặc các báo cáo chuyên đề v.v*).

3. Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí đến thời điểm kiểm tra.

***III. Nội dung kiểm tra:***

1. Về nội dung và tiến độ thực hiện (nội dung và các SP của đề tài, đề án, đề tài tiềm năng, dự án SXTN):

- Nội dung, sản phẩm đã hoàn thành của đề tài, đề án, đề tài tiềm năng, dự án SXTN theo Báo cáo của Chủ nhiệm (so với tiến độ đã ghi trong các phụ lục của Hợp đồng).

- Xem xét những nội dung đã thực hiện đối với các sản phẩm chưa hoàn thành

- Các mô hình triển khai thực nghiệm (nếu có)

Về sử dụng kinh phí:

- Tình hình sử dụng kinh phí để thực hiện đến thời điểm kiểm tra

+ Số kinh phí được cấp từ ngân sách sự nghiệp khoa học đến ngày báo cáo/tổng kinh phí được cấp:

+ Số kinh phí từ Ngân sách đã sử dụng :

+ Số kinh phí đã sử dụng từ nguồn khác:

- Tình hình mua sắm, sử dụng trang thiết bị phục vụ nghiên cứu (nếu có)

- Kiểm tra chứng từ, xác nhận kinh phí thực chi và quyết toán (sẽ được kiểm tra và xác nhận cụ thể sau)

***IV. Các ý kiến trao đổi của các thành viên trong đoàn kiểm tra và cơ quan chủ trì, chủ nhiệm đề tài***

1. Các ý kiến của thành thành viên đoàn kiểm tra

Ý kiến giải trình và kiến nghị của cơ quan chủ trì, chủ nhiệm và các cá nhân tham gia thực hiện đề tài, dự án

***V. Kết luận của Đoàn kiểm tra***

1. **Đánh giá về nội dung và các sản phẩm của đề tài, đề án, dự án:**

...........................................................................................................................................

...........................................................................................................................................

...........................................................................................................................................

...........................................................................................................................................

...........................................................................................................................................

...........................................................................................................................................

...........................................................................................................................................

...........................................................................................................................................

...........................................................................................................................................

...........................................................................................................................................

...........................................................................................................................................

...........................................................................................................................................

...........................................................................................................................................

......................................................................................................................................................................................................................................................................................

...........................................................................................................................................

1. **Đánh giá về tiến độ thực hiện kinh phí đề tài, đề án, dự án;**

...........................................................................................................................................

...........................................................................................................................................

...........................................................................................................................................

...........................................................................................................................................

...........................................................................................................................................

...........................................................................................................................................

Biên bản này được làm thành 4 Bản. Bộ NN-PTNT giữ 02 bản, Cơ quan , cá nhân chủ trì đề tài, dự án giữ 02 bản.

## Hà Nội, ngày tháng năm 20

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đại diện tổ chức**  **chủ trì \***  *(Ký, ghi rõ họ và tên)* | **Đại diện tổ chức**  **thực hiện**  *(Ký, ghi rõ họ và tên)* | **Chủ nhiệm**  *(Ký, ghi rõ họ và tên)* |
|  |  |  |

**\*** Đối với các đề tài, đề án, dự án SXTN do các tổ chức chủ trì không trực thuộc Bộ

**Mẫu B18.BCTĐG-BNN**

[Top of the Document](#_top)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*.............., ngày tháng năm 20…*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**

**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ**

Nội dung báo cáo kết quả tự đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ của tổ chức chủ trì đề tài, dự án theo Mẫu 1 quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN, ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước

Cam đoan nội dung của Báo cáo là trung thực; Chủ nhiệm và các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ không sử dụng kết quả nghiên cứu của người khác trái với quy định của pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
| **CHỦ NHIỆM**  (*Họ, tên và chữ ký*) | **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**  (*Họ, tên, chữ ký và đóng dấu*) |
| **TỔ CHỨC CHỦ TRÌ**  (*Họ, tên, chữ ký và đóng dấu*) |  |

**Mẫu B19.CVNT-BNN**

[Top of the Document](#_top)

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ**  **NHIỆM VỤ**  Số:......../........  V/v: Đề nghị đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *........, ngày tháng năm 20...* |

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và PTNT

Căn cứ Thông tư số …../2020/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ, ……….………. (*tên Tổ chức chủ trì nhiệm vụ*) đề nghị ……….……….(*Bộ chủ trì nhiệm vụ*) xem xét và tổ chức đánh giá, nghiệm thu cấp Bộ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sau đây:

Tên nhiệm vụ:

Mã số:

Hợp đồng số:

Thời gian thực hiện theo hợp đồng: từ đến

Thời gian được điều chỉnh, gia hạn (*nếu có*) đến:

Chủ nhiệm nhiệm vụ:

Kèm theo công văn này là hồ sơ đánh giá nhiệm vụ gồm:

1. Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ.

2. Báo cáo về sản phẩm khoa học và công nghệ của nhiệm vụ.

3. Bản sao hợp đồng và thuyết minh nhiệm vụ.

4. Các văn bản xác nhận và tài liệu liên quan đến việc công bố, xuất bản, đào tạo,tiếp nhận và sử dụng kết quả nghiên cứu (nếu có).

5. Các số liệu (điều tra, khảo sát, phân tích…), sổ nhật ký của nhiệm vụ.

6. Văn bản xác nhận về sự thỏa thuận của các tác giả về việc sắp xếp thứ tự tên trong danh sách tác giả thực hiện nhiệm vụ.

7. Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ.

8. Báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

9. Các tài liệu khác (*nếu có*).

Số lượng hồ sơ gồm:

- 01 bộ *(bản gốc*) đầy đủ tài liệu kể trên;

- 01 bản điện tử về các file báo cáo ghi trên đĩa quang *(dạng PDF, không cài đặt bảo mật)*.

Đề nghị ….. *(Bộ chủ trì nhiệm vụ*) xem xét và tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả nhiệm vụ./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - …… | TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ *(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)* |

|  |
| --- |
| Mẫu B20. BCTK-BNN  [Top of the Document](#_top)  BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (Chữ in hoa đậm cỡ 14)  CƠ QUAN CHỦ TRÌ  CƠ QUAN THỰC HIỆN  (trang bìa)  BÁO CÁO TỔNG KẾT  ĐỀ TÀI/ĐỀ ÁN/DỰ ÁN SXTN CẤP BỘ (chữ in hoa đậm cỡ 18)  *Tên đề tài*: (viết chữ in hoa cỡ chữ 15)  Cơ quan chủ quản: (Chữ thường cỡ 16)  Cơ quan chủ trì:  Cơ quan thực hiện:  Chủ nhiệm:  Thời gian thực hiện:  ĐỊA DANH - 20 (chữ in hoa cỡ chữ 14)    BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (Chữ in hoa đậm cỡ 14)  CƠ QUAN CHỦ TRÌ  CƠ QUAN THỰC HIỆN  (trang giáp bìa)  BÁO CÁO TỔNG KẾT  ĐỀ TÀI/DỰ ÁN SXTN CẤP BỘ (chữ in hoa đậm cỡ 18)  *Tên đề tài*: (viết chữ in hoa cỡ chữ 15)  Cơ quan chủ quản: (Chữ thường cỡ 16)  Cơ quan chủ trì:  Cơ quan thực hiện:  Chủ nhiệm:  Thời gian thực hiện:  ĐỊA DANH - 20 (chữ in hoa cỡ chữ 14) |

(trang nhan đề)

DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI THAM GIA THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

(cỡ chữ 14, in đậm)

Phông chữ đánh trong báo cáo: Cỡ chữ 13 - 14

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TT | Họ và tên | Cơ quan/tổ chức |
| 1 |  |  |
| 2 |  |  |
| 3 |  |  |
| 4 |  |  |
| 5 |  |  |
| 6 |  |  |
| 7 |  |  |
| 8 |  |  |
| 9 |  |  |
| 10 |  |  |

***Lời cảm ơn*** *(Viết không quá 1 trang - Nếu cần thiết)*

*Tóm tắt kết quả thực hiện đề tài* (Cỡ chữ 14 in đậm)

Nội dung: Cỡ chữ 13

*(Nêu ngắn gọn và rõ ràng về mục đích, nội dung, phương pháp, kết quả và kết luận đã được trình bày trong báo cáo chính).*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| MỤC LỤC  *(Mục lục bao gồm danh mục các phần chia nhỏ của báo cáo cùng với số trang)*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | TT | Các danh mục trong BC | Trang | |  | DANH SÁCH CÁN BỘ THAM GIA THỰC HIỆN ĐỀ TÀI |  | | I | ĐẶT VẤN ĐỀ |  | | II | MỤC TIÊU CUẢ ĐỀ TÀI |  | |  | CHƯƠNG I |  | |  | TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC |  | | I | TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU NGOÀI NƯỚC |  | | II | TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU TRONG NƯỚC |  | |  |  |  | |  | CHƯƠNG II |  | |  | NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU |  | | I | NỘI DUNG NGHIÊN CỨU |  | | II | PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU |  | | III | ĐỊA ĐIỂM NGHIÊN CỨU |  | |  | CHƯƠNG III |  | |  | KÉT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN |  | | I |  |  | | II |  |  | | III |  |  | |  | CHƯƠNG IV |  | | I | KẾT LUẬN |  | | II | ĐỀ NGHỊ |  | |  |  |  | |  | TÀI LIỆU THAM KHẢO |  | |  | PHỤ LỤC VÀ ẢNH MINH HOẠ |  | |  | CÁC PHỤ LỤC KHÁC |  | |  |  |  | |  |  |  | |  |  |  | |  |  |  | |  |  |  | |  |  |  | |  |  |  | |  |  |  | |  |  |  | |  |  |  | |  |  |  | |  |  |  | |  |  |  | |  |  |  | |

**BẢNG CHÚ GIẢI CÁC CHỮ VIẾT TẮT, KÝ HIỆU, ĐƠN VỊ ĐO LƯỜNG, TỪ NGẮN, THUẬT NGỮ, DANH MỤC**

**CÁC SƠ ĐỒ BIỂU BẢNG (nếu có)**

# II. PHẦN CHÍNH CỦA BÁO CÁO

**2.1. Đặt vấn đề**

*(Nêu rõ tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan, phân tích những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu đề tài, nêu những gì đã giải quyết, những gì còn tồn tại, chỉ ra những hạn chế cụ thể, từ đó nêu được hướng giải quyết - luận giải, cụ thể hoá được tính cấp thiết của đề tài và những vấn đề mới về KH&CN mà đề tài đặt ra nghiên cứu)*

**2.2 Mục tiêu của đề tài**

*(Đề tài nhằm giải quyết mục tiêu gì, thường có mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể)*

**2.3 Cách tiếp cận**

*(nêu phương pháp luận, quan điểm và cách thức giải quyết vấn đề)*

**2.4 Vật liệu, nội dung và phương pháp nghiên cứu**

*a. Vật liệu nghiên cứu:*

* Đối tượng nghiên cứu
* Địa điểm nghiên cứu
* Thời gian nghiên cứu .

*b. Nội dung nghiên cứu*

* Nêu các nội dung nghiên cứu
* Nêu các thí nghiệm
* Nêu các chỉ tiêu theo dõi của mỗi thí nghiệm hoặc thu thập số liệu

*c. Phương pháp nghiên cứu:*

* Phương pháp bố trí thí nghiệm
* Phương pháp thu thập số liệu
* Phương pháp phân tích số liệu
* Phương pháp đánh giá, so sánh.

**2.5 Kết quả và thảo luận**

* *Nêu đầy đủ kết quả theo các chỉ tiêu nghiên cứu (cố gắng trình bày dưới dạng bảng biểu, đồ thị).*
* *Phân tích các kết quả (So sánh với những kết quả trước (nếu có). Lý giải luận cứ khoa học của kết quả thu được. Làm rõ tại sao không phù hợp với các kết quả nghiên cứu trước đây...).*

**2.6 Kết luận và đề nghị**

* *Nêu những kết luận cơ bản ngắn gọn, tập trung vào trả lời cho mục tiêu nghiên cứu)*
* *Nêu các kiến nghị về sử dụng kết quả nghiên cứu, đề xuất kết thúc nghiên cứu hoặc các vấn đề cần nghiên cứu tiếp.*

. **2.7 Tài liệu tham khảo**

Liệt kê các tài liệu tham khảo có liên quan (Tài liệu tham khảo bằng tiếng Việt trước, tiếng Anh sau)

*(Nên viết tài liệu tham khảo theo****“Hệ thống tài liệu tham khảo Harvard và Footnote”***

III. PHẦN CUỐI CỦA BÁO CÁO

Phần cuối báo cáo gồm Phụ lục và trang bìa sau.

- Các Phụ lục liên quan đến nghiên cứu cần thiết để làm sáng tỏ và hoàn chỉnh báo cáo

- Trang bìa sau: Phía trong của trang bìa sau có thể được sử dụng viết địa chỉ cần gửi báo cáo *(nếu cần thiết).*

|  |
| --- |
| Mẫu B21- BCTT-BNN  [Top of the Document](#_top)  BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (Chữ in hoa đậm cỡ 14)  CƠ QUAN CHỦ TRÌ  CƠ QUAN THỰC HIỆN  (trang bìa)  BÁO CÁO TÓM TẮT KẾT QUẢ  ĐỀ TÀI/DỰ ÁN SXTN CẤP BỘ (chữ in hoa đậm cỡ 18)  *Tên đề tài/dự án*: (viết chữ in hoa cỡ chữ 15)  Cơ quan chủ quản: (Chữ thường cỡ 16)  Cơ quan chủ trì:  Cơ quan thực hiện:  Chủ nhiệm:  Thời gian thực hiện:  ĐỊA DANH - 200 (chữ in hoa cỡ chữ 14)    BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (Chữ in hoa đậm cỡ 14)  CƠ QUAN CHỦ TRÌ  CƠ QUAN THỰC HIỆN  (trang giáp bìa)  BÁO CÁO TÓM TẮT KẾT QUẢ  ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC/DỰ ÁN SXTN CẤP BỘ (chữ in hoa đậm cỡ 18)  *Tên đề tài/dự án*: (viết chữ in hoa cỡ chữ 15)  Cơ quan chủ quản: (Chữ thường cỡ 16)  Cơ quan chủ trì:  Cơ quan thực hiện:  Chủ nhiệm:  Thời gian thực hiện::  ĐỊA DANH – 20…. (chữ in hoa cỡ chữ 14) |

# I. Đặt vấn đề

*(Nêu ngắn gọn tính cấp thiết cuả đề tài/dự án cần đặt ra để nghiên cứu) (1 trang)*

**1. Mục tiêu của đề tài**

*(Đề tài nhằm giải quyết mục tiêu gì, thường có mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể)*

**2. Cách tiếp cận**

*(nêu phương pháp luận, quan điểm và cách thức giải quyết vấn đề)*

**II. Vật liệu, nội dung và phương pháp nghiên cứu (**1- 1,5 trang)

*a. Vật liệu nghiên cứu:*

* Đối tượng nghiên cứu
* Địa điểm nghiên cứu
* Thời gian nghiên cứu .

*b. Nội dung nghiên cứu*

* Nêu các nội dung nghiên cứu
* Nêu các thí nghiệm
* Nêu các chỉ tiêu theo dõi của mỗi thí nghiệm hoặc thu thập số liệu

*c. Phương pháp nghiên cứu:*

* Phương pháp bố trí thí nghiệm
* Phương pháp thu thập số liệu
* Phương pháp phân tích số liệu
* Phương pháp đánh giá, so sánh.

**III. Kết quả và thảo luận (**8- 10 trang**)**

* *Nêu tóm tắt quả theo các chỉ tiêu nghiên cứu*
* *Phân tích các kết quả ngắn gọn so sánh với những kết quả trước (nếu có). Lý giải luận cứ khoa học của kết quả thu được. Làm rõ tại sao không phù hợp với các kết quả nghiên cứu trước đây...).*

**IV. Kết luận và đề nghị (1 trang)**

* *Nêu những kết luận cơ bản ngắn gọn, tập trung vào trả lời cho mục tiêu nghiên cứu)*
* *Nêu các kiến nghị về sử dụng kết quả nghiên cứu, đề xuất kết thúc nghiên cứu hoặc các vấn đề cần nghiên cứu tiếp.*

**PHẦN CUỐI CỦA BÁO CÁO (đưa ra một số phụ lục nếu thấy cần thiết)**

**Mẫu B22. BCTKE-BNN**

[Top of the Document](#_top)

|  |  |
| --- | --- |
| (**TÊN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ**  **ĐỀ TÀI/DỰ ÁN**) | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *............., ngày tháng năm 20...* |

**BÁO CÁO THỐNG KÊ**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI/ĐỀ ÁN/DỰ ÁN SXTN/**

**ĐỀ TÀI TIỀM NĂNG**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

##### 1. Tên đề tài, đề án, dự án SXTN, đề tài tiềm năng:

#### Mã số:

Thuộc: *(lĩnh vực KHCN):*

**2. Chủ nhiệm đề tài/dự án:**

Họ và tên: ....................................................................

Ngày, tháng, năm sinh: ............................. Nam/ Nữ: ............................

Học hàm, học vị: .........................................................

Chức danh khoa học: ............................................Chức vụ.....................

Điện thoại: Tổ chức: ................. Nhà riêng: ................ Mobile: ...........

Fax: ....................................... E-mail: ....................................................

Tên tổ chức đang công tác:......................................................................

Địa chỉ tổ chức:........................................................................................

Địa chỉ nhà riêng: ..............................................................................

**3. Tổ chức thực hiện:**

Tên tổ chức chủ trì đề tài: ......................................................................

Điện thoại: .................................. Fax: ..................................................

E-mail: ....................................................................................................

Website: .................................................................................................

Địa chỉ: ...................................................................................................

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: ................................................................

Số tài khoản: ...........................................................................................

Ngân hàng: .............................................................................................

Tên cơ quan chủ quản đề tài: ..................................................................

**4. Tổ chức chủ trì:**

Tên tổ chức chủ trì đề tài: ......................................................................

Điện thoại: .................................. Fax: ..................................................

E-mail: ....................................................................................................

Website: .................................................................................................

Địa chỉ: ...................................................................................................

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: ................................................................

Số tài khoản: ...........................................................................................

Ngân hàng: .............................................................................................

Tên cơ quan chủ quản đề tài: ..................................................................

**II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN**

**1. Thời gian thực hiện:**

- Theo Hợp đồng đã ký kết: từ tháng …/ năm ……đến tháng …../ năm……

- Thực tế thực hiện: từ tháng ….../năm đến tháng ……/năm

- Được gia hạn (nếu có):

- Lần 1 từ tháng…. ..năm…... đến tháng…... năm…...

- Lần 2 ….

**2. Kinh phí và sử dụng kinh phí:**

a) Tổng số kinh phí thực hiện: ………………tr.đ, trong đó:

+ Kính phí hỗ trợ từ SNKH: ………………….tr.đ.

+ Kinh phí từ các nguồn khác: ……………….tr.đ.

+ Tỷ lệ và kinh phí thu hồi đối với dự án (nếu có): ………….

b) Tình hình cấp và sử dụng kinh phí từ nguồn SNKH:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Số***  ***TT*** | ***Theo kế hoạch*** | | ***Thực tế đạt được*** | | ***Ghi chú***  *(Số đề nghị*  *quyết toán)* |
| Thời gian  (Tháng, năm) | Kinh phí  (Tr.đ) | Thời gian  (Tháng, năm) | Kinh phí  (Tr.đ) |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |

c) Kết quả sử dụng kinh phí theo các khoản chi:

***Đối với đề tài:***

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Số***  ***TT*** | ***Nội dung***  ***các khoản chi*** | ***Theo kế hoạch*** | | | ***Thực tế đạt được*** | | |
| Tổng | SNKH | Nguồn khác | Tổng | SNKH | Nguồn khác |
| 1 | Trả công lao động (khoa học, phổ thông) |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Nguyên, vật liệu, năng lượng |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Thiết bị, máy móc |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Xây dựng, sửa chữa nhỏ |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Chi khác |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |  |

- Lý do thay đổi (nếu có):

***Đối với dự án:***

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Số***  ***TT*** | ***Nội dung***  ***các khoản chi*** | ***Theo kế hoạch*** | | | ***Thực tế đạt được*** | | |
| Tổng | SNKH | Nguồn khác | Tổng | SNKH | Nguồn khác |
| 1 | Thiết bị, máy móc mua mới |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Nhà xưởng xây dựng mới, cải tạo |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Kinh phí hỗ trợ công nghệ |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Chi phí lao động |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Nguyên vật liệu, năng lượng |  |  |  |  |  |  |
| 6 | Thuê thiết bị, nhà xưởng |  |  |  |  |  |  |
| 7 | Khác |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |  |

- Lý do thay đổi (nếu có):

##### 3. Các văn bản hành chính trong quá trình thực hiện đề tài/dự án:

##### (Liệt kê các quyết định, văn bản của cơ quan quản lý từ công đoạn xác định nhiệm vụ, xét chọn, phê duyệt kinh phí, hợp đồng, điều chỉnh (thời gian, nội dung, kinh phí thực hiện... nếu có); văn bản của tổ chức chủ trì đề tài, dự án (đơn, kiến nghị điều chỉnh ... nếu có)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Số***  ***TT*** | ***Số, thời gian ban hành văn bản*** | ***Tên văn bản*** | ***Ghi chú*** |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| … |  |  |  |

**4. Tổ chức phối hợp thực hiện:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Số***  ***TT*** | ***Tên tổ chức đăng ký theo Thuyết minh*** | ***Tên tổ chức đã tham gia thực hiện*** | ***Nội dung***  ***tham gia chủ yếu*** | ***Sản phẩm chủ yếu đạt được*** | ***Ghi chú\**** |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

\* Lý do thay đổi (nếu có):

**5. Cá nhân tham gia thực hiện:**

*(Người tham gia thực hiện đề tài thuộc tổ chức chủ trì và cơ quan phối hợp, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Số***  ***TT*** | ***Tên cá nhân đăng ký theo Thuyết minh*** | ***Tên cá nhân đã tham gia thực hiện*** | ***Nội dung tham gia chính*** | ***Sản phẩm chủ yếu đạt được*** | ***Ghi chú\**** |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

\* Lý do thay đổi ( nếu có):

##### 6. Tình hình hợp tác quốc tế:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Số***  ***TT*** | ***Theo kế hoạch***  *(Nội dung, thời gian, kinh phí, địa điểm, tên tổ chức hợp tác, số đoàn, số lượng người tham gia...)* | ***Thực tế đạt được***  *(Nội dung, thời gian, kinh phí, địa điểm, tên tổ chức hợp tác, số đoàn, số lượng người tham gia...)* | ***Ghi chú\**** |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| ... |  |  |  |

\* Lý do thay đổi (nếu có):

**7. Tình hình tổ chức hội thảo, hội nghị:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Số***  ***TT*** | ***Theo kế hoạch***  *(Nội dung, thời gian, kinh phí, địa điểm )* | ***Thực tế đạt được***  *(Nội dung, thời gian, kinh phí, địa điểm )* | ***Ghi chú\**** |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| ... |  |  |  |

\* Lý do thay đổi (nếu có):

**8. Tóm tắt các nội dung, công việc chủ yếu:**

*(Nêu tại mục 15 của thuyết minh, không bao gồm: Hội thảo khoa học, điều tra khảo sát trong nước và nước ngoài)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Số***  ***TT*** | ***Các nội dung, công việc  chủ yếu***  *(Các mốc đánh giá chủ yếu)* | ***Thời gian***  *(Bắt đầu, kết thúc*  *- tháng … năm)* | | ***Người,  cơ quan  thực hiện*** |
| Theo kế hoạch | Thực tế đạt được |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |

\* Lý do thay đổi (nếu có):

**III. SẢN PHẨM KH&CN**

**1. Sản phẩm KH&CN đã tạo ra:**

a) Sản phẩm Dạng I:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Số***  ***TT*** | ***Tên sản phẩm và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu*** | ***Đơn***  ***vị đo*** | ***Số lượng*** | ***Theo kế hoạch*** | ***Thực tế***  ***đạt được*** |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

\* Lý do thay đổi (nếu có):

b) Sản phẩm Dạng II:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Số***  ***TT*** | ***Tên sản phẩm*** | ***Yêu cầu khoa học***  ***cần đạt*** | | ***Ghi chú\**** |
| Theo kế hoạch | Thực tế  đạt được |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |

\* Lý do thay đổi (nếu có):

c) Sản phẩm Dạng III:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Số***  ***TT*** | ***Tên sản phẩm*** | ***Yêu cầu khoa học***  ***cần đạt*** | | ***Số lượng, nơi công bố***  *(Tạp chí, nhà xuất bản)* |
| Theo  kế hoạch | Thực tế  đạt được |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |

\* Lý do thay đổi (nếu có):

d) Kết quả đào tạo:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Số***  ***TT*** | ***Cấp đào tạo, Chuyên ngành đào tạo*** | ***Số lượng*** | | ***Ghi chú\****  *(Thời gian kết thúc)* |
| Theo kế hoạch | Thực tế đạt được |
| 1 | Thạc sỹ |  |  |  |
| 2 | Tiến sỹ |  |  |  |

\* Lý do thay đổi (nếu có):

e) Thống kê danh mục sản phẩm KHCN đã được ứng dụng vào thực tế

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Số***  ***TT*** | ***Tên kết quả***  ***đã được ứng dụng*** | ***Thời gian*** | ***Địa điểm***  *(Ghi rõ tên, địa chỉ nơi ứng dụng)* | ***Kết quả***  ***sơ bộ*** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |

**2. Đánh giá về hiệu quả do đề tài, dự án mang lại:**

a) Hiệu quả về khoa học và công nghệ:

*(Nêu rõ danh mục công nghệ và mức độ nắm vững, làm chủ, so sánh với trình độ công nghệ so với khu vực và thế giới…)*

b) Hiệu quả về kinh tế xã hội:

*(Nêu rõ hiệu quả làm lợi tính bằng tiền dự kiến do đề tài, dự án tạo ra so với các sản phẩm cùng loại trên thị trường…)*

**3. Tình hình thực hiện chế độ báo cáo, kiểm tra của đề tài, dự án:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Số***  ***TT*** | ***Nội dung*** | ***Thời gian***  ***thực hiện*** | ***Ghi chú***  *(Tóm tắt kết quả, kết luận chính, người chủ trì…)* |
| I | Báo cáo định kỳ |  |  |
|  | Lần 1 |  |  |
|  | … |  |  |
| II | Kiểm tra định kỳ |  |  |
|  | Lần 1 |  |  |
|  | …. |  |  |
| III | Nghiệm thu cơ sở |  |  |
|  | …… |  |  |
|  |  |  |  |

Tự nhận xét đánh giá của chủ nhiệm đề tài:

|  |  |
| --- | --- |
| **CHỦ NHIỆM**  (*Họ, tên và chữ ký*) | **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**  (*Họ, tên, chữ ký và đóng dấu*) |
| **TỔ CHỨC CHỦ TRÌ**  (*Họ, tên, chữ ký và đóng dấu*) |  |

**Mẫu B23. BCKP-BNN**

# [Top of the Document](#_top)

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ NÔNG NGHIỆP**  **VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**  (Đơn vị chủ trì thực hiện) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *..........., ngày.....tháng.....năm 20...* |

**BÁO CÁO KINH PHÍ ĐỀ TÀI/DỰ ÁN CẤP BỘ**

Tên đề tài/dự án:.................

Cấp:.............................................Mã số...................

Cơ quan thực hiện dự án:....................................................................................................................................................

Chủ nhiệm:...............................................................................

Thời gian thực hiện: từ..........................đến.............................

Tổng kinh phí được duyệt:.......................................................

**Phần A. Số liệu quyết toán**

**A1. Số lũy kế quyết toán**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Kinh phí (đồng)** | | | | | **Ghi chú** |
| **Kinh phí sử dụng** | | **Quyết toán trong năm** | **Giảm (hủy/ Nộp/Tiết kiệm)** | **Còn lại/Chuyển sang năm sau** |
| **Năm trước chuyển sang** | **Được giao trong năm** |
| *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9)* |
|  | Năm thứ 1 |  |  |  |  |  |  |
|  | Năm thứ 2 |  |  |  |  |  |  |
|  | Năm thứ.... |  |  |  |  |  |  |
|  | Năm nay... |  |  |  |  |  |  |
|  | Cộng lỹ kế (tổng các dòng trên) |  |  |  |  |  |  |

***Ghi chú:***

- Các dòng "Năm thứ": số liệu quyết toán của các năm trước.

- Dòng "Năm nay": Lấy dòng tổng cộng ở biểu A2.

- Cột (4): Lấy cột (8) báo cáo năm trước.

- Cột (5): Số được cấp trong năm.

- Cột (8): (Cột 4) + (Cột 5) - (Cột 6) - (Cột 7).

- Cột (7): Số đã nộp, đã hủy và tiếp tục đề nghị nộp trả, đề nghị hủy và bao gồm cả tiết kiệm (nếu có).

**A2. Quyết toán kinh phí theo nội dung (chi tiết dòng tổng cộng A1)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục chi** | **Nội dung** | **Kinh phí sử dụng** | | | | |
| **Được giao (bảng 5 theo thuyết minh)** | **Quyết toán trong năm** | **Giảm (hủy/nộp/tiết kiệm)** | **Còn lại/chuyển năm sau** | **Ghi chú** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* |
| **I** |  | **Nội dung 1** |  |  |  |  |  |
|  |  | Hoạt động 1.1 |  |  |  |  |  |
|  |  | Hoạt động 1.2 |  |  |  |  |  |
|  |  | **........** |  |  |  |  |  |
| **II** |  | **Nội dung 2** |  |  |  |  |  |
|  |  | Hoạt động 2.1 |  |  |  |  |  |
|  |  | Hoạt động 2.2 |  |  |  |  |  |
|  |  | **........** |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **III** |  | **Chi chung** |  |  |  |  |  |
|  |  | Nội dung/công việc 1 |  |  |  |  |  |
|  |  | Nội dung/công việc 2 |  |  |  |  |  |
|  |  | **.....** |  |  |  |  |  |
|  |  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |

*Ghi chú*:

- Phân biệt số tiết kiệm chi theo cơ chế khoán quy định tại Thông tư 93 (nếu có) tại cột 7 với số tiết kiệm không được chi ở cột 6 để thực hiện giảm chi tiêu chống lạm phát (nếu có)

- Trường hợp đề tài nhỏ, chỉ có một nội dung thì chỉ cần lạp phần A1.

**Phần B. Thuyết minh quyết toán**

* Giải trình các khoản kinh phí giảm: số đã nộp, đã hủy, còn phải nộp/phải hủy và số tiết kiệm (nếu có); lý do?
* Giải trình kinh phí quyết toán: chỉ ra trong đó được xét duyệt kinh phí khoán chi.
* Giải trình chênh lệch số quyết toán so với số dự toán

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | *.........., ngày.............tháng.............năm........* |
| **CHỦ NHIỆM** | **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **TỔ CHỨC CHỦ TRÌ** |
| (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên, đóng dấu) |

**Mẫu B22. PNHSNT-BNN**

[Top of the Document](#_top)

|  |  |
| --- | --- |
| CƠ QUAN QUẢN LÝ KHOA HỌC  **BỘ PHẬN TIẾP NHẬN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *Hà Nội, ngày ...... tháng .... năm 20…* |

# PHIẾU TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ

# Mã hồ sơ: KHCN………………………

Bộ phận một cửa Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường:

Tiếp nhận hồ sơ của: …………………………………………………………….

Địa chỉ: …………………………………………………………………………..

Điện thoại: …………………………….. Email: ……………………………….

Nội dung yêu cầu giải quyết: Đánh giá, nghiệm thu kết thúc nhiệm vụ KHCN

(1) Tên nhiệm vụ: ……………………………………………………………….

……………………………………………………………………………………

(2) Lĩnh vực: ………………………………………………………

1. Tình trạng hồ sơ:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Tình trạng hồ sơ “Đạt”** | **Ghi chú** |
| 1 | Nộp đúng hạn |  |  |
| 2 | Nguyên dấu niêm phong |  |  |
| 3 | Tính đầy đủ các thông tin trên bìa Hồ sơ |  |  |
| 3.1 | Tên nhiệm vụ |  |  |
| 3.2 | Tên, địa chỉ của tổ chức chủ trì |  |  |
| 3.3 | Họ và tên cá nhân chủ trì nhiệm vụ |  |  |
| 3.4 | Danh sách tên những người tham gia thực hiện nhiệm vụ |  |  |
| 3.5 | Danh mục tài liệu, văn bản có trong Hồ sơ |  |  |

2.Số lượng hồ sơ: ………………………………………………………………..

3. Thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định: ………. Ngày

4. Thời gian nhận hồ sơ: ………giờ ………. ngày …… tháng …. năm 20…

5. Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày …… tháng …. năm 20…

6. Đăng ký nhận trả kết quả tại: ……………………………………..

|  |  |
| --- | --- |
| **NGƯỜI NỘP HỒ SƠ**  *(Họ, tên và chữ ký)* | **NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ**  *(Họ, tên và chữ ký)* |

**Mẫu 20a. PNXKQĐTDA-BNN**

# [Top of the Document](#_top)

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ NÔNG NGHIỆP**  **VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| HỘI ĐỒNG TƯ VẤN ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU KẾT QUẢ ĐỀ TÀI/ ĐỀ ÁN/DỰ ÁN SXTN/ĐỀ TÀI TIỀM NĂNG CẤP BỘ | *..........., ngày.....tháng.....năm 20...* |

# PHIẾU NHẬN XÉT KẾT QUẢ ĐỀ TÀI/ĐỀ ÁN/DỰ ÁN SXTN/ĐỀ TÀI TIỀM NĂNG CẤP BỘ

|  |  |
| --- | --- |
| **Ủy viên phản biện**: |  |
| **Uỷ viên**: |  |

Nội dung Phiếu nhận xét theo Mẫu 4a quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN, ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước

|  |  |
| --- | --- |
|  | **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG/CHUYÊN GIA**  ***(Họ, tên và chữ ký)*** |

**Mẫu 20b. PNXKQĐT/KTCS-BNN**

# [Top of the Document](#_top)

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ NÔNG NGHIỆP**  **VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU KẾT QUẢ ĐỀ TÀI/ĐỀ ÁN LĨNH VỰC KT-CS NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT** | *..........., ngày.....tháng.....năm 20...* |

# PhiẾu NHẬN XÉT kẾt qUẢ ĐỀ tài/ĐỀ ÁN CẤP BỘ

# LĨNH VỰC KINH TẾ-CHÍNH SÁCH NN&PTNT

|  |  |
| --- | --- |
| **Ủy viên phản biện**: |  |
| **Uỷ viên**: |  |

Nội dung Phiếu nhận xét theo Mẫu 4b quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN, ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước

|  |  |
| --- | --- |
|  | **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG/CHUYÊN GIA**  ***(Họ, tên và chữ ký)*** |

**Mẫu 21. PĐGKQĐTDA-BNN**

# [Top of the Document](#_top)

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ NÔNG NGHIỆP**  **VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| HỘI ĐỒNG TƯ VẤN ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU KẾT QUẢ ĐỀ TÀI/ ĐỀ ÁN/DỰ ÁN SXTN/ĐỀ TÀI TIỀM NĂNG CẤP BỘ | *..........., ngày.....tháng.....năm 20...* |

# PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐỀ TÀI/ ĐỀ ÁN/DỰ ÁN SXTN/ĐỀ TÀI TIỀM NĂNG CẤP BỘ

Nội dung Phiếu đánh giá theo Mẫu 7 quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN, ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước

|  |  |
| --- | --- |
|  | **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG**  ***(Họ, tên và chữ ký)*** |

**Mẫu 22. BBKPKQĐTDA-BNN**

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ NÔNG NGHIỆP**  **VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| HỘI ĐỒNG TƯ VẤN ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU KẾT QUẢ ĐỀ TÀI/ ĐỀ ÁN/DỰ ÁN SXTN/ĐỀ TÀI TIỀM NĂNG CẤP BỘ | *..........., ngày.....tháng.....năm 20...* |

# BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

# ĐỀ TÀI/ĐỀ ÁN/DỰ ÁN SXTN/ĐỀ TÀI TIỀM NĂNG CẤP BỘ

**1. Thông tin chung**:

#### - Tên nhiệm vụ:

- Chủ nhiệm nhiệm vụ:

- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ:

- Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

**2. Kết quả đánh giá:**

- Số phiếu phát ra: - Số phiếu thu về:

- Số phiếu hợp lệ: - Số phiếu không hợp lệ:

| **Họ và tên**  **thành viên Hội đồng** | **Kết quả đánh giá** | | | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Xuất sắc** | **Đạt** | **Không đạt** |
| Thành viên 1 |  |  |  |  |
| …….. |  |  |  |  |
| Tổng số: |  |  |  |  |

**3. Xếp loại nhiệm vụ** *(đánh dấu* ***√***  *vào ô tương ứng phù hợp)***:**

|  |  |
| --- | --- |
| * **Xuất sắc**: Nếu nhiệm vụ có ít nhất 3/4 thành viên hội đồng có mặt nhất trí đánh giá mức “Xuất sắc” và không có thành viên đánh giá ở mức “Không đạt”; |  |
| * **Không đạt**: Nếu nhiệm vụ có nhiều hơn 1/3 số thành viên hội đồng có mặt đánh giá mức “Không đạt”. |  |
| * **Đạt yêu cầu**: Không thuộc 2 trường hợp trên |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG TỔ KIỂM PHIẾU** | **ỦY VIÊN TỔ KIỂM PHIẾU** |
| *(Họ, tên và chữ ký)* | *(Họ, tên và chữ ký)* |

**Mẫu B23-BBĐGKQĐTDA-BNN**

[Top of the Document](#_top)

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ NÔNG NGHIỆP**  **VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**  HỘI ĐỒNG TƯ VẤN ĐÁNH GIÁ,  NGHIỆM THU KẾT QUẢ  ĐỀ TÀI/ ĐỀ ÁN/DỰ ÁN SXTN/ĐỀ TÀI TIỀM NĂNG CẤP BỘ | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *............., ngày tháng năm 20….* |

**BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ**

**KẾT QUẢ ĐỀ TÀI/ ĐỀ ÁN/DỰ ÁN SXTN/ĐỀ TÀI TIỀM NĂNG CẤP BỘ**

**I. Những thông tin chung**

**1.** **Tên nhiệm vụ:**

Chủ nhiệm nhiệm vụ:

Tổ chức thực hiện nhiệm vụ:

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

**2**. Quyết định thành lập Hội đồng và Tổ chuyên gia (*nếu có*)

Quyết định số ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT

**3**. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng: ngày: tại

**4**. Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên (*đối với phiên họp đánh giá chấm điểm*): ............/...........

Vắng mặt: ........ người, gồm các thành viên:

**5**. Khách mời tham dự họp Hội đồng (*đối với phiên họp đánh giá*)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Đơn vị công tác** |
| 1 |  |  |
| 2 |  |  |
| 3 |  |  |

**II. Nội dung làm việc của Hội đồng**

Nội dung làm việc của Hội đồng theo Mục II, Mẫu 9 quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN, ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước

Biên bản họp hội đồng được thông qua với sự thống nhất của các thành viên Hội đồng dự họp vào ........ ngày ..... tháng ..... năm....

|  |  |
| --- | --- |
| **THƯ KÝ KHOA HỌC**  *(Họ, tên và chữ ký)* | **CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**  *(Họ, tên và chữ ký)* |

**CHI TIẾT Ý KIẾN CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG**

**THƯ KÝ KHOA HỌC HỘI ĐỒNG**

*(Họ, tên và chữ ký)*

**Mẫu B24. CNKQĐTDA-BNN**

[Top of the Document](#_top)

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ NÔNG NGHIỆP**  **VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**  –––––––––––––  Số:/QĐ-BNN-KHCN | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 20* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công nhận kết quả thực hiện**

**nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ Nghị định số / /NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;

Căn cứ Thông tư số / /TT-BNNPTNT ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Xét đề nghị của Hội đồng khoa học công nghệ tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ được thành lập kèm theo Quyết định số /QĐ - ngày tháng năm 201... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ “……..”, mã số .......

Chủ nhiệm nhiệm vụ:

Tổ chức thực hiện:

Tổ chức chủ trì:

Xếp loại:

**Điều 2.** *(Đối với nhiệm vụ “đạt” trở lên)* Nhiệm vụ được thực hiện việc quyết toán và thanh lý hợp đồng sau khi các sản phẩm của nhiệm vụ và tài sản đã mua sắm bằng kinh phí thực hiện đã được kiểm kê và bàn giao theo các quy định hiện hành. Việc công bố và sử dụng kết quả đã tạo ra của nhiệm vụ được thực hiện theo các quy định hiện hành.

*(Đối với nhiệm vụ “đạt” nhưng nộp hồ sơ chậm từ 30 ngày đến 06 tháng)* Nhiệm vụ được thực hiện việc quyết toán và thanh lý hợp đồng sau khi các sản phẩm của nhiệm vụ và tài sản đã mua sắm bằng kinh phí thực hiện đã được kiểm kê và bàn giao theo các quy định hiện hành. Việc công bố và sử dụng kết quả đã tạo ra của nhiệm vụ được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Tổ chức chủ trì không được tham gia xét giao trực tiếp và tuyển chọn nhiệm vụ cấp Bộ, cấp quốc gia trong thời hạn ….[[13]](#footnote-14) năm kể từ ngày kết thúc hợp đồng.

Chủ nhiệm nhiệm vụ không được tham gia xét giao trực tiếp và tuyển chọn nhiệm vụ cấp Bộ, cấp quốc gia trong thời hạn ….14 năm kể từ ngày kết thúc hợp đồng.

*(Đối với nhiệm vụ “không đạt”)* Đơn vị quản lý nhiệm vụ chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xác định số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

Nhiệm vụ được thực hiện việc quyết toán và thanh lý hợp đồng sau khi các sản phẩm của nhiệm vụ và tài sản đã mua sắm bằng kinh phí thực hiện đã được kiểm kê và bàn giao theo các quy định hiện hành. Việc công bố và sử dụng kết quả đã tạo ra của nhiệm vụ được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Chủ nhiệm nhiệm vụ không được tham gia xét giao trực tiếp và tuyển chọn nhiệm vụ cấp Bộ, quốc gia trong thời hạn ….15 năm kể từ ngày kết thúc hợp đồng.

Tổ chức chủ trì không được tham gia xét giao trực tiếp và tuyển chọn nhiệm vụ cấp Bộ, quốc gia trong thời hạn ….16 năm kể từ ngày kết thúc hợp đồng.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Vụ trưởng Vụ ………., Chủ nhiệm nhiệm vụ, Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 3;  - Bộ trưởng (để b/c);  - Lưu: VT, KHCN. | **KT. BỘ TRƯỞNG**  **THỨ TRƯỞNG** |

**Mẫu B31.DMNVTXTCN-BNN**

[Top of the Document](#_top)

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT **TÊN TỔ CHỨC................... -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |

**DANH MỤC  
NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN THEO CHỨC NĂNG NĂM ……**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên nhiệm vụ** | **Thời gian thực hiện (từ...đến)** | | **Dự kiến kết quả/sản phẩm** | **Dự kiến kinh phí thực hiện *(triệu đồng)*** | |
|  | **Ví dụ một số nhiệm vụ** |  | |  |  | |
| 1 | Đánh giá, phân tích khả năng sử dụng vật liệu mới trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam  (Trung tâm công nghệ vật liệu, Viện Ứng dụng công nghệ) | T3-T12 | | Báo cáo đánh thực trạng sử dụng vật liệu vật liệu mới trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam. Báo cáo đề xuất sử dụng một số vật liệu mới trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam | ... | |
| 2 | Phân tích, đánh giá thực trạng ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo vệ môi trường tại tỉnh Phú Thọ (Trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN tỉnh Phú Thọ) | T1-T12 | | Báo cáo đánh giá thực trạng ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo vệ môi trường tại tỉnh Phú Thọ | ... | |
| 3 | Vận hành và khai thác Lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt (Viện Nghiên cứu hạt nhân, Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam) | T6-T12 | | Bảo đảm an | ... | |
|  | **Tổng cộng** |  | |  | **....** | |
|  | | | | ............., ngày......tháng......năm 20...**Thủ trưởng đơn vị (ký, đóng dấu)** | | |

**Mẫu B32. TMKTXTCN-BNN**

[Top of the Document](#_top)

**MẪU THUYẾT MINH VÀ DỰ TOÁN****NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN THEO CHỨC NĂNG**

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NHIỆM VỤ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **Tên nhiệm vụ:** | | | |
| **2** | **Thời gian thực hiện:**  (từ tháng... năm... đến tháng....năm...) | | | |
| **3** | **Kinh phí thực hiện:**  Tổng kinh phí:..................., trong đó:  - Từ ngân sách sự nghiệp khoa học:  - Từ nguồn tự có của tổ chức:  - Từ nguồn khác: | | | |
| **4** | **Chủ nhiệm nhiệm vụ:**  Họ và tên:....................................................................................................................  Ngày, tháng, năm sinh:..............................................Nam/ Nữ:..................................  Học hàm, học vị:........................................................Chức danh nghề nghiệp:...........  Điện thoại:...................................................................E-mail: ....................................... | | | |
| **5** | **Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:**  Tên tổ chức chủ trì nhiệm vụ:  Điện thoại:................................................................... Fax: ............................................  Địa chỉ: ............................................................................................................................... | | | |
| **6** | **Các cán bộ thực hiện nhiệm vụ:***(cả người trực tiếp và gián tiếp thực hiện nhiệm vụ)* | | | |
|  | **Họ và tên, học hàm học vị** | **Vị trí công tác** | **Nội dung công việc tham gia** | **Thời gian làm việc cho nhiệm vụ**  *(Số tháng quy đổi)* |
|  | **Những người trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ** | | | |
| 1 |  |  | Chủ trì |  |
| 2 |  |  | Kê khai cụ thể các nội dung công việc phải thực hiện trong nhiệm vụ đối với từng người |  |
| 3 |  |  |  |
| 4 |  |  |  |
|  | **Những người gián tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ** | | | |
| 9 |  | Ban Lãnh đạo | Kê khai cụ thể các nội dung công việc phải thực hiện trong nhiệm vụ đối với từng người |  |
| 10 |  | Phòng Tài chính kế toán |  |
| 11 |  | Phòng Tổ chức - Hành chính |  |

**II. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện** | **Các sản phẩm, kết quả của nhiệm vụ** | **Thời gian** *(bắt đầu, kết thúc)* | **Cá nhân, tổ chức thực hiện** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |

**III. TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ VÀ NGUỒN KINH PHÍ**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tổng số Kinh phí đề nghị ngân sách nhà nước hỗ trợ***(triệu đồng)* | **Kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo các khoản chi** | | | | | | **Nguồn**  **khác** |
| **Tổng số** *(triệu đồng)* | **Trong đó** | | | | |
| **Tiền lương** | **Các khoản đóng góp theo lương\*** | **Nguyên, vật liệu, năng lượng** | **Sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng, bảo trì, kiểm định, hiệu chuẩn** | **Chi khác\*\*** |
|  | *2 (=3-9)* | *3 (=4+5+6+7+8)* | *4* | *5 (=4x24%)* | *6* | *7* | *8* | *9* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |

\* Các khoản đóng góp theo lương gồm: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn...

\*\* Chi khác: gồm hội thảo, hội nghị, công tác phí, thuê khoán ngoài, văn phòng phẩm, công cụ, dụng cụ, dịch vụ công, thông tin, liên lạc...

|  |  |
| --- | --- |
| *Ngày ...... tháng ...... năm 20...* **Chủ nhiệm nhiệm vụ** *(Họ tên và chữ ký)* | *Ngày ...... tháng ...... năm 20...* **Tổ chức chủ trì nhiệm vụ** *(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)* |
|  | *Ngày ...... tháng ...... năm 20...* **Cơ quan chủ quản** *(Họ tên, chữ ký và đóng dấu khi phê duyệt)* |

**DỰ TOÁN KINH PHÍ NHIỆM VỤ**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung chi** | **Tổng số Kinh phí** |
| ***1*** | ***2*** | ***3*** |
| **1** | **Tiền lương** |  |
| **a** | **Tiền lương những người trực tiếp thực hiện nhiệm vụ** | .... |
| **-** | *Nguyễn Văn A* | ... |
| **-** | *Nguyễn Văn B* | ... |
|  | ... |  |
| **b** | **Tiền lương những người gián tiếp thực hiện nhiệm vụ** | ... |
| **-** | *Trần thị C* | .... |
| **-** | *Lê Văn D* |  |
|  | ... |  |
| **2** | **Các khoản đóng góp theo lương** | ... |
| **3** | **Nguyên, vật liệu, năng lượng** |  |
| **4** | **Sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng, bảo trì, kiểm định, hiệu chuẩn** | ... |
| **5** | **Chi khác**(hội thảo, hội nghị, công tác phí, thuê khoán ngoài, văn phòng phẩm, công cụ, dụng cụ, dịch vụ công, thông tin, liên lạc,...) | ... |

**GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI**

**Khoản 1. Tiền lương**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung lao động** | **Hệ số lương và phụ cấp** | **Số tháng tham gia thực hiện** | **Tổng số** | **Ghi chú** |
| ***1*** | ***2*** | ***3*** | ***4*** | ***5 (= 3x4)*** | ***6*** |
| **1** | **Tiền lương những người trực tiếp thực hiện nhiệm vụ** |  | ... | ... |  |
| - | *Nguyễn Văn A* |  | ... | ... |  |
| - | *Nguyễn Văn B* |  | ... | ... |  |
| **2** | **Tiền lương những người gián tiếp thực hiện nhiệm vụ** |  | ... | ... |  |
| - | *Trần thị C* |  | ... | ... |  |
| - | *Lê Văn D* |  | ... | ... |  |
|  | **Tổng cộng:** |  | ... | ... |  |

**Khoản 2. Các khoản đóng góp theo lương**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Các khoản đóng góp theo lương** | **Tỷ lệ đóng góp** | **Tiền lương** | **Số phải đóng góp** | **Ghi chú** |
| ***1*** | ***2*** | ***3*** | ***4*** | ***5 (= 3x4)*** | ***6*** |
| **1** | **Bảo hiểm xã hội** | 18% | ... | ... |  |
| **2** | **Bảo hiểm y tế** | 3% | ... | ... |  |
| 3 | Bảo hiểm thất nghiệp | 1% | ... | ... |  |
| 4 | Phí công đoàn | 2% | ... | ... |  |
|  | **Tổng cộng:** |  |  | ... |  |

**Khoản 3. Nguyên vật liệu, năng lượng**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* |
| 1 | Xăng dầu |  |  |  |  |
| 2 | Điện |  |  |  |  |
| 3 | Nước |  |  |  |  |
| 4 | ... |  |  |  |  |
| **Cộng:** | | | | |  |

**Khoản 4. Sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng, bảo trì, kiểm định, hiệu chuẩn**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* |
| 1 | Sửa chữa |  |  |  |  |
| 2 | Duy tu |  |  |  |  |
| 3 | Bảo dưỡng |  |  |  |  |
| 4 | ... |  |  |  |  |
| **Cộng:** | | | | |  |

**Khoản 5. Chi khác**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* |
| **1** | **Hội thảo, Hội nghị** |  |  |  |  |
|  | Chủ trì |  |  |  |  |
|  | Thư ký |  |  |  |  |
|  | Đại biểu tham dự |  |  |  |  |
|  | Vé máy bay, vé tàu xe |  |  |  |  |
|  | Thuê hội trường (kèm trang thiết bị) |  |  |  |  |
|  | Nước uống |  |  |  |  |
|  | Chi khác |  |  |  |  |
| **2** | **Công tác phí** |  |  |  |  |
| **3** | **Chi thuê lao động** |  |  |  |  |
| **4** | **Văn phòng phẩm** |  |  |  |  |
| **5** | **Công cụ, dụng cụ** |  |  |  |  |
| **6** | **Dịch vụ công** |  |  |  |  |
| **7** | **Chi thông tin, liên lạc** |  |  |  |  |
| **Cộng:** | | | | |  |

**Biểu tổng hợp chi tiết đề xuất nội dung, kinh phí, nhân lực thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng năm 20..**

|  | **Nhiệm vụ** | **Ngân sách nhà nước** | | | | | | | | **Nguồn khác** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Kinh phí NSNN**  ***(trđ)*** | **Tổng số cán bộ tham gia NVTX TCN** | **Số biên chế có mặt đến 31/12/2019** | **Tiền lương** | **Các khoản đóng góp theo lương\*** | **Nguyên, vật liệu, năng lượng** | **Sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng, bảo trì, kiểm định, hiệu chuẩn** | **Chi khác \*\*** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **….** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*Ghị chú:*

\* Tổng số người tham gia các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức khoa học và công nghệ không vượt quá số lượng người làm việc theo vị trí việc làm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

*\*\** Các khoản đóng góp theo lương gồm: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn.

\*\*\* Chi khác: gồm hội thảo, hội nghị, công tác phí, thuê khoán ngoài, văn phòng phẩm, công cụ, dụng cụ, dịch vụ công, thông tin, liên lạc…

**Mẫu** **B37-KHĐTCSVC-BNN**

[Top of the Document](#_top)

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT  **(TÊN CƠ QUAN ĐỀ XUẤT)** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

###### PHIẾU ĐỀ XUẤT

###### KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ SỬA CHỮA CƠ SỞ VẬT CHẤT – KỸ THUẬT

1. Tên đơn vị đề xuất

... ... ... ... ... ... ...... ... ... ... ... ... ... ... ... ......... ... ... ... ... ... ... ...

2. Địa điểm đầu tư sửa chữa

... ... ... ... ... ... ...... ... ... ... ... ... ... ... ... ......... ... ... ... ... ... ... ...

3. Nội dung đầu tư sửa chữa

... ... ... ... ... ... ...... ... ... ... ... ... ... ... ... ......... ... ... ... ... ... ... ...

4. Mục đích

... ... ... ... ... ... ...... ... ... ... ... ... ... ... ... ......... ... ... ... ... ... ... ...

5. Đánh giá hiện trạng hạng mục đề xuất

... ... ... ... ... ... ...... ... ... ... ... ... ... ... ... ......... ... ... ... ... ... ... ...

6. Thuyết minh sự cần thiết đầu tư *(Hạng mục đề xuất phải thật sự cần thiết, sử dụng lâu dài; không trùng lặp với các dự án, hạng mục đầu tư, xây dựng, sửa chữa từ các nguồn vốn khác*).

... ... ... ... ... ... ...... ... ... ... ... ... ... ... ... ......... ... ... ... ... ... ... ...

7. Thời gian thực hiện

... ... ... ... ... ... ...... ... ... ... ... ... ... ... ... ......... ... ... ... ... ... ... ...

8. Khái toán kinh phí *(nội dung dự toán xây dựng công trình gồm các chi phí theo quy định tại Khoản 3 Điều 63 Thông tư số ...../2020/TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)*

... ... ... ... ... ... ...... ... ... ... ... ... ... ... ... ......... ... ... ... ... ... ... ...

9. Nguồn vốn:

- Nguồn vốn sự nghiệp khoa học công nghệ

- Vốn tự có của đơn vị.

... ... ... ... ... ... ...... ... ... ... ... ... ... ... ... ......... ... ... ... ... ... ... ...

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Cơ quan/tổ chức đề xuất**  *(Ký ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |
|  |  |

1. Đối với cá nhân đề xuất không cần mục này [↑](#footnote-ref-2)
2. Bản Thuyết minh này dùng cho hoạt động nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ thuộc 7 lĩnh vực khoa học nêu tại mục 7 của Thuyết minh. Thuyết minh được trình bày và in trên khổ A4 [↑](#footnote-ref-3)
3. Chỉ ký tên, đóng dấu khi đề tài được phê duyệt. Đối với những đề tài do Tổng cục quản lý, Vụ Kế hoạch tài chính và Vụ KHCN&HTQT của Tổng cục ký, đóng dấu. [↑](#footnote-ref-4)
4. Thuyết minh được trình bày và in ra trên khổ giấy A4. [↑](#footnote-ref-5)
5. Chỉ ký tên, đóng dấu khi dự án được phê duyệt. Đối với những dự án do Tổng cục quản lý, Vụ Kế hoạch tài chính và Vụ KHCN&HTQT của Tổng cục ký, đóng dấu. [↑](#footnote-ref-6)
6. Đơn này được trình bày và in ra trên khổ giấy A4. [↑](#footnote-ref-7)
7. Lý lịch được trình bày và in ra trên khổ giấy A4. [↑](#footnote-ref-8)
8. Tên cá nhân đăng ký tham gia tương ứng với mục 12 trong thuyết minh dự án Đề tài/ Đề án/Dự án SXTN/Đề tài tiềm năng cấp Bộ [↑](#footnote-ref-9)
9. Đơn này được trình bày và in ra trên khổ giấy A4. [↑](#footnote-ref-10)
10. Sử dụng khi có nhiệm vụ có từ 02 hồ sơ trở lên [↑](#footnote-ref-11)
11. Số thứ tự của nhiệm vụ KHCN tại Quyết định danh mục …. [↑](#footnote-ref-12)
12. Nộp báo cáo trước ngày 30/5 và 30/11 [↑](#footnote-ref-13)
13. , 14, 15,16 Thời gian bị hạn chế quyền đăng ký xét giao trực tiếp hoặc tuyển chọn nhiệm vụ cấp Bộ theo quy định tại Điều 7 của Thông tư số /2015/TT-BNNPTNT ngày / /2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. [↑](#footnote-ref-14)